

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

MÔN TOÁN

Tên bộ môn:	TOÁN
Điện thoại:	0763.945454 - 148
Tên ngành đào tạo:	Sư phạm Toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Văn bằng được cấp:	Bằng tốt nghiệp cử nhân
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Chương trình đào tạo được tổ chức:	Tại trường Đại học An giang
Tình trạng của bản báo cáo:	Tự đánh giá lần đầu

MỤC LỤC

	Trang
I. PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG.....	3
II. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ.....	6
II.1. Mục đích tự đánh giá, phạm vi và hội đồng tự đánh giá.....	6
II.2. Tóm tắt quá trình triển khai tự đánh giá:.....	6
II.3. Đánh giá theo các tiêu chuẩn:	6
Tiêu chuẩn 1:	6
Tiêu chuẩn 2:	11
Tiêu chuẩn 3:	19
Tiêu chuẩn 4:	25
Tiêu chuẩn 5:	2532
Tiêu chuẩn 6:	38
Tiêu chuẩn 7:	42
II.4 Kết quả đạt được và kiến nghị:	46
Phụ lục 1.....	48
Phụ lục 2.....	49
Phụ lục 3:	55

I. PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG

I.1. Tên đơn vị chịu trách nhiệm chính về chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông: Bộ môn: Toán

I.2. Địa chỉ: 25, Võ Thị Sáu, Phường Đông Xuyên – TP Long Xuyên – AG

I.3. Số điện thoại liên hệ: 0763.945454 - 148

I.4. Giới thiệu ngắn gọn về nguồn gốc, lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ, quy mô đào tạo hiện tại, cơ cấu tổ chức của đơn vị

I.4.1 Quá trình hình thành và phát triển

– Bộ môn Toán trường Đại học An Giang được thành lập từ tháng 12 năm 2000. Ngay từ khi mới thành lập, bắt đầu tuyển sinh và giảng dạy khóa I. Về nhân sự, đa số đều là giảng viên nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

– Cùng với sự lớn mạnh của trường, lực lượng giảng viên của bộ môn Toán được tăng cường từ nhiều nguồn: giảng viên đi nước ngoài đào tạo về, giảng viên từ các trường đại học khác chuyển đến, sinh viên xuất sắc của bộ môn Toán của trường Đại học An Giang và các trường đại học khác được tiếp nhận.

– Hiện nay, bộ môn Toán có 28 giảng viên . Trong đó có 15 thạc sĩ và 13 cử nhân.

Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1	Cán bộ cơ hữu trong biên chế	17	11	28
2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (Từ 1 năm trở lên)	0	0	0
3	Các cán bộ khác	0	0	0
Tổng số		17	11	28

Thông kê phân loại giảng viên

STT	Trình độ học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
1	Giáo sư, viện sĩ					
2	Phó giáo sư					
3	Tiến sĩ khoa học					
4	Tiến sĩ					
5	Thạc sĩ	15	15		3	
6	Đại học	13	13			
7	Cao Đẳng					
8	Trình độ khác					
9	Tổng số	28	28		3	

Tổng số học sinh đăng ký dự thi đại học vào Bộ môn Toán, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy, đào tạo theo ngân sách)

Năm học	Số thí sinh đăng ký dự thi	Số thí sinh dự thi	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế	Điểm đầu vào (thang điểm 30)
2004 – 2005	774	680	6.8	98	17.0
2005 – 2006	616	514	5.1	102	19.5
2006 – 2007	532	463	5.3	100	15.5
2007 – 2008	572	514	5.7	81	19.0
2008 – 2009	379	344	3.2	56	15.0

– Đến nay, các giảng viên bộ môn Toán có 01 đầu sách đã được xuất bản Cơ sở lý thuyết Galois. Chủ biên: Dương Quốc Việt – Lê Văn Chua; NXB ĐHSP; Năm xuất bản: 2007), và 3 tài liệu giáo trình (Đại số sơ cấp của Ths. Hoàng Huy Sơn; Xác suất thống kê dành cho các ngành ngoài Sư phạm Toán và Xác suất thống kê dành cho ngành Sư phạm Toán của Phạm Đức Thông)

– Trong 5 năm gần đây, bộ môn Toán đã đào tạo 423 cử nhân.

I.4.2 Cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Bộ môn

Trưởng Bộ môn: Th.s. Võ Tiến Thành

Phó Bộ môn: Th.s. Đinh Quốc Huy

I.4.3 Chức năng và nhiệm vụ

– Đào tạo cử nhân Sư phạm Toán hệ chính quy (4 năm) và các hệ chuyên tu, tại chức, để cung cấp đội ngũ giáo viên dạy môn Toán cho các trường trung học phổ thông ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

– Bồi dưỡng thường xuyên để cập nhật kiến thức và thông tin cho giáo viên trung học phổ thông các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

I.4.4 Cơ cấu tổ chức của đơn vị bộ môn toán

Cơ cấu điều hành hoạt động đào tạo của bộ môn Toán gồm các thành phần sau:

– Trưởng Bộ môn: 01

– Phó trưởng Bộ môn: 01

I.5. Các lãnh đạo đơn vị Bộ môn Toán: họ tên, học hàm, học vị, điện thoại, e-mail:

– Trưởng Bộ môn: Th.s. Võ Tiến Thành

Điện thoại: 0908138575. E-mail: vtthanh@agu.edu.vn

– Phó trưởng Bộ môn: Th.s. Đinh Quốc Huy

Điện thoại: 0918789578. E-mail: dqhuy@agu.edu.vn

I.6. Tổng số cán bộ cơ hữu hiện tại của đơn vị Bộ môn Toán: 28

Trong đó: Nam: 17 Nữ: 11

Biên chế: 28 Hợp đồng: 0

I.7. Liệt kê các kế hoạch, chương trình hành động (nếu có) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông

– Phát triển nhanh đội ngũ giảng viên. Ưu tiên tiếp nhận giảng viên trẻ và tạo điều kiện để các giảng viên trẻ sớm được đi học sau đại học trong và ngoài nước .

– Mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu kinh nghiệm các nước để đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học.

– Tổ chức báo cáo chuyên đề dành cho giảng viên và sinh viên.

– Tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm.

– Tăng cường hoạt động thu thập ý kiến sinh viên và hoạt động đào tạo.

– Thành lập câu lạc bộ Toán cho sinh viên.

II. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

II.1. Mục đích tự đánh giá, phạm vi và hội đồng tự đánh giá

– Mục đích đánh giá:

Nâng cao chất lượng đào tạo và đăng kí kiểm định chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông, môn Toán, trình độ đại học.

– Phạm vi tự đánh giá:

Đánh giá các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông thể hiện trên 7 lĩnh vực, tương ứng với 7 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Mục tiêu, tổ chức và quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông.
2. Chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông.
3. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo giáo viên trung học phổ thông.
4. Người học và công tác hỗ trợ người học.
5. Thư viện, trang thiết bị dạy học và cơ sở vật chất khác hỗ trợ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông.
6. Công tác tài chính phục vụ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông.
7. Công tác đánh giá sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông và tư vấn việc làm.

II.2. Tóm tắt quá trình triển khai tự đánh giá:

Quá trình thực hiện tự đánh giá bắt đầu từ tháng 4 năm 2009 và kết thúc vào tháng 9 năm 2009. Những thông tin và bằng chứng được thu thập từ các văn bản lưu trữ của Trường Đại học An Giang, của Bộ môn Toán và từ những trao đổi, phỏng vấn giảng viên, cán bộ quản lý của nhóm thực hiện tự đánh giá. Các phân tích, đánh giá được các thành viên trong nhóm đánh giá thực hiện độc lập, sau đó trao đổi, thảo luận, góp ý và xây dựng thành văn bản thống nhất. Các phân tích, đánh giá đó đều được chứng minh bằng các minh chứng.

II.3. Đánh giá theo các tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu, cơ cấu tổ chức, quản lý đào tạo và công tác đánh giá hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

Mở đầu

Trong quá trình xây dựng và thực hiện chương trình Sư phạm Toán, nhà trường luôn xác định rõ và đúng hướng mục tiêu đào tạo. Chương trình có cơ cấu tổ chức, quản lý đào tạo tương đối hợp lý và tiến hành công tác đánh giá hoạt động đào tạo khá tích cực và đều đặn.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm trình độ đại học.

1. Mô tả

– Mục tiêu chung của chương trình Sư phạm Toán là:

“Đào tạo cử nhân khoa học ngành Toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt. Năm vững các tri thức về toán cơ bản và phương pháp giảng dạy Toán ở trường Trung học

phổ thông. Có khả năng giảng dạy các kiến thức Toán cho học sinh Trung học phổ thông đáp ứng chương trình phân ban cũng như chuyên ban phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy và học ở trường Trung học phổ thông hiện nay”

– Theo Luật Giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định, mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

– Theo Chương trình Khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm trình độ đại học là có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, có kỹ năng sư phạm; đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. [H01.01.01]

– Mục tiêu đào tạo ngành Sư phạm Toán phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường Đại học An Giang và của Khoa Sư phạm [H01.01.02]

Xét trên các nội dung cơ bản, mục tiêu đào tạo ngành Sư phạm Toán phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục, Chương trình khung khối ngành Sư phạm, và nhiệm vụ của trường Đại học An Giang; trong đó nổi bật nhất là mục tiêu về kiến thức chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp. Có thể nói mục tiêu đào tạo của ngành đào tạo là sự cụ thể hóa mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và Chương trình khung khối ngành Sư phạm, nhiệm vụ của trường theo nguyên tắc tuân thủ những quy định chung, nhưng có chú ý thích đáng đến những đặc trưng của ngành nghề đào tạo.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của ngành vừa tuân thủ về mục tiêu đào tạo đại học được quy định chung trong Luật Giáo dục và chương trình Khung Khối ngành Sư phạm vừa chú ý thích đáng đến những đặc trưng của lĩnh vực đào tạo giáo viên Toán trung học phổ thông. Mục tiêu cũng được công bố rõ ràng trên website của Khoa Sư phạm.

3. Tồn tại

Khi trường Đại học An Giang đang chuyển sang học chế tín chỉ thì mục tiêu đào tạo của ngành có thể cần được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp hơn với tình hình mới.

4. Kế hoạch hành động

– Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm đào tạo giáo viên Toán ở các trường đại học bạn để cụ thể hóa tốt hơn mục tiêu đào tạo, thích hợp với thời đại hội nhập:

- Tìm hiểu về chương trình đào tạo ở các trường đại học trong và ngoài nước.
- Tìm hiểu về mục tiêu đào tạo ở các trường đại học có đặc điểm gần giống với trường đại học An Giang.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương; có nội dung cụ thể, rõ ràng; được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật và điều chỉnh theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo giáo viên môn Toán trung học phổ thông của Khoa đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, phù hợp với thực tiễn của nhà trường; có nội dung cụ thể, rõ ràng; được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật và điều chỉnh theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng.

– Chương trình đào tạo giáo viên THPT ngành Toán luôn có sự chỉ đạo của Đảng ủy, của Chi bộ 5 về định hướng mục tiêu đào tạo. [H01.02.01], [H01.02.02], [H01.02.03]

– Trong các phiên họp sơ kết học kỳ, tổng kết năm học, giảng viên tham gia chương trình luôn có trao đổi, đề xuất các cải tiến trong nội giảng dạy để đáp ứng tốt hơn mục tiêu đào tạo; biên soạn tài liệu giảng dạy mới trên cơ sở chính lý, nâng cao tài liệu giảng dạy cũ. [H01.02.04]

– Chương trình đã điều chỉnh một số học phần để sinh viên ra trường có thể giảng dạy được tốt hơn theo tình hình địa phương:

+ Đưa vào giảng dạy Tin học chuyên ngành toán từ khóa 4, tiếp tục cập nhật từ khóa 6. [H01.02.05], [H01.02.06]

+ Bổ sung phần nghiệp vụ trung học cơ sở trong học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. [H01.02.07].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu đào tạo của ngành Sư phạm Toán là cụ thể, rõ ràng và có tính cập nhật.

3. Tồn tại:

– Cho đến nay, chúng tôi chưa nắm được văn bản chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, vì vậy việc xây dựng mục tiêu đào tạo đáp ứng các tiêu chuẩn đó chủ yếu dựa vào yêu cầu thực tiễn giáo dục địa phương và kinh nghiệm của những cán bộ lãnh đạo, quản lý của Nhà trường, của khoa Sư phạm và cán bộ giảng viên tham gia chương trình.

– Thực tiễn cuộc sống nảy sinh nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phức tạp. Đó là một thách thức đối với việc xây dựng và thực hiện mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp, đặc biệt là tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, về lòng yêu nghề.

4. Kế hoạch hành động:

- Tạo điều kiện cho các giảng viên trẻ được học tập, tu dưỡng: đưa các giảng viên thâm nhập thực tế giảng dạy (ở phổ thông và tại trường) dưới sự hướng dẫn của các giảng viên có kinh nghiệm.

- Trong các cuộc họp sơ kết, tổng kết năm học luôn có nội dung về rà soát, bổ sung, cập nhật mục tiêu đào tạo giáo viên theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí .

Tiêu chí 1.3: Có cơ cấu hợp lý để tổ chức và quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông; thực hiện đào tạo và quản lý đào tạo có chất lượng, hiệu quả.

1. Mô tả

Trường ĐHAG có cơ cấu hợp lý trong việc tổ chức và quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông, thực hiện đào tạo và quản lý đào tạo có chất lượng, hiệu quả. nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị như sau:

• Khoa Sư phạm: chịu trách nhiệm toàn diện về công tác học sinh sinh viên thuộc khoa (trong đó có các sinh viên ngành sư phạm Toán). Bộ máy quản lý gồm có: PCN Khoa phụ trách công tác học sinh sinh viên, GVCN, Trưởng bộ môn, lớp trưởng.

- Phòng Đào tạo: quản lý các loại hồ sơ học vụ; quản lý và thường xuyên cập nhật dữ liệu về học sinh sinh viên.

- Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng: xây dựng lịch thi tuyển sinh, tốt nghiệp, thi cuối khóa,...

- Phòng Công tác sinh viên: nắm bắt kịp thời tình hình tư tưởng của học sinh sinh viên, tổ chức giáo dục tư tưởng, rèn luyện đạo đức.

- Bộ phận y tế.

- Hội đồng cấp trường về công tác sinh viên.

- Đoàn TNCS HCM, Hội sinh viên.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Ban đại diện lớp.

[H01.03.01]

– Cán bộ quản lý việc tổ chức, thực hiện chương trình gồm 1 Chủ nhiệm khoa, 3 Phó chủ nhiệm khoa và trưởng phó bộ môn.

– Các giảng viên tham gia chương trình chưa thành lập các nhóm chuyên môn chính thức.

2. Điểm mạnh

– Các đơn vị trong trường có phối hợp nhau trong công tác quản lý học sinh sinh viên.

– Sự phân công của các cán bộ quản lý là rõ ràng, phát huy được thế mạnh của từng người.

3. Tồn tại

– Sự phối hợp giữa các đơn vị trong trường tuy thực hiện thường xuyên nhưng chưa thật nhịp nhàng, đôi lúc còn chông chéo trong quản lý.

4. Kế hoạch hành động

– Tích cực bồi dưỡng đội ngũ giảng viên kế cận, chú ý đến những giảng viên có tố chất làm công tác quản lý.

– Xây dựng cơ chế quản lý hợp lý hơn để phát huy được năng lực, khuyến khích được tinh thần xung phong của giảng viên, nhất là giảng viên trẻ.

5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

Tiêu chí 1.4: Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ trường đại học, được phân định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn cho từng cán bộ quản lý.

1. Mô tả

– Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông ngành Toán gồm nhiều cấp: cấp trường, cấp khoa, cấp bộ môn. Chức năng, trách nhiệm của từng cấp quản lý được phân định rõ. [H01.04.01]

– Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm chính về phân công giảng dạy, xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo và chịu trách nhiệm thực hiện đúng chương trình và kế hoạch đào tạo đã đề ra. [H01.04.02]

– Các hoạt động về nghiệp vụ sư phạm (trong đó quan trọng nhất là công tác kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm) và công tác đoàn, hội của sinh viên được sự chỉ đạo, tổ chức của phòng Đào tạo, phòng Công tác sinh viên, Đoàn trường, Đoàn các Liên chi. [H01.04.03]

2. Điểm mạnh

– Các cán bộ quản lý cấp trường, cấp khoa có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý đào tạo.

– Các đồng chí trưởng, phó các đơn có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý đơn vị

3. Tồn tại

Trách nhiệm và quyền hạn đối với những cán bộ quản lý cấp Bộ môn không đi đôi với nhau, rách nhiệm thì lớn nhưng quyền hạn rất hạn chế, vì không có quyền tự chủ.

4. Kế hoạch hành động

Chú ý bồi dưỡng và động viên các giảng viên trẻ, để họ có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhiệm công việc quản lý khi nhà trường, khoa có nhu cầu:

– Phân công các giảng viên trẻ làm GVCN, cố vấn học tập.

– Hướng dẫn thực hiện các công việc: xây dựng chương trình chi tiết, liên hệ với các phòng ban chức năng trong trường trong các công việc có liên quan đến giảng dạy, tổ chức giảng dạy.

5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

Tiêu chí 1.5: Các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông được định kỳ đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng.

1. Mô tả

– Đánh giá định kỳ các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông là một công việc cần thiết nhằm xác định rõ những điểm mạnh và điểm hạn chế của đơn vị đào tạo và kịp thời xây dựng kế hoạch thích hợp để nâng cao chất lượng đào tạo của đơn vị.

– Hằng năm, nhà trường đều có cử giảng viên đi dự giờ sinh viên thực tập ở các trường phổ thông, qua đó nắm bắt được các điểm mạnh, yếu của sinh viên để có hướng điều chỉnh trong mục tiêu đào tạo và cụ thể trong chương trình các học phần. [H01.05.01]

– Cuối học kỳ, tổ chức lấy ý kiến sinh viên về một số giảng viên, về các học phần để có thể nắm bắt kịp thời và trao đổi với giảng viên để rút kinh nghiệm. [H01.05.02]

– Ngoài ra, việc đánh giá định kỳ các hoạt động đào tạo giáo viên còn được thực hiện trong các kì sơ kết học kì và tổng kết năm học. [H01.05.03]

2. Điểm mạnh

– Việc đánh giá các hoạt động đào tạo giáo viên được nhà trường thực hiện khá thường xuyên với sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau có tham gia vào quá trình đào tạo.

– Việc đánh giá không phải chịu áp lực vì bệnh thành tích, nên được thực hiện khá khách quan.

3. Tồn tại

– Hình thức và phương pháp đánh giá vẫn giữ nguyên qua nhiều năm.

- Chưa có sự quan tâm và tham gia rộng rãi của nhiều giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

- Cải tiến hơn nữa công tác đánh giá định kì như nâng cao chất lượng các câu hỏi trong bảng khảo sát nhằm thu thập được nhiều thông tin hơn về hoạt động đào tạo từ sinh viên.
- Có hình thức thích hợp để động viên các giảng viên tham gia tích cực hơn nữa công tác đánh giá định kì.

3. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu đào tạo ngành Sư phạm Toán của trường Đại học An Giang đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm trình độ đại học; đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương; có nội dung cụ thể, rõ ràng; được định kỳ rà soát và điều chỉnh theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng; có cơ cấu tổ chức, quản lí đào tạo tương đối hợp lí để thực hiện mục tiêu đặt ra; công tác đánh giá hoạt động đào tạo giáo viên được thực hiện khá thường xuyên. Tuy nhiên, để đạt được yêu cầu là xây dựng một cơ sở đào tạo giáo viên đạt chuẩn khu vực, nhà trường cần phải cố gắng nhiều hơn.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 2: Chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông

Mở đầu

Chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông là một trong những phần cốt lõi quyết định chất lượng của một cơ sở đào tạo. Chính vì thế, bộ môn Toán coi việc xây dựng một chương trình tuân thủ những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời bảo đảm tính khoa học và hiện đại là một nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời với việc xây dựng một chương trình tốt, việc tiến hành có hiệu quả các hoạt động đào tạo cũng có vai trò không kém phần quan trọng, vì đó chính là công đoạn thi công những nội dung được chương trình thiết kế. Nếu thi công không bảo đảm chất lượng thì những ý tưởng tốt đẹp của chương trình không thể thực hiện được.

Tiêu chí 2.1: Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung khối ngành sư phạm trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với mục tiêu giáo dục trung học phổ thông và đáp ứng nhu cầu sử dụng giáo viên của địa phương và xã hội.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung khối ngành sư phạm trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H02.01.01]. Cụ thể là tất cả các môn học được quy định trong chương trình khung khối ngành sư phạm trình độ đại học của Bộ đều có trong chương trình đào tạo của ngành sư phạm Toán. Ngoài những môn học được quy định trong chương trình khung, chương trình đào tạo của ngành sư phạm Toán còn bao gồm nhiều môn học khác (Anh Văn chuyên ngành 4 ĐVHT, Tin học chuyên ngành: 4 ĐVHT) [H02.01.02], nhằm giúp sinh viên:

– Có năng lực tư duy tốt, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, trước hết là trong khoa học, sau đó là trong thực tiễn cuộc sống thể hiện rõ nét qua những môn như: Logic học, Phương pháp nghiên cứu khoa học, v.v.

– Có kiến thức vững vàng và sâu sắc về các lĩnh vực tổng quát, đại cương như trong các môn học Triết học, Tâm lí học... Phương pháp giảng dạy Toán, Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Toán.

– Có kĩ năng giao tiếp tốt đủ đáp ứng yêu cầu đối với một giáo viên Toán ở trường phổ thông như trong các môn học Ngoại ngữ, kĩ năng làm việc nhóm.

Các môn học được thiết kế trong chương trình về cơ bản là cần yếu đối với việc đào tạo giáo viên Toán trung học phổ thông nhằm đạt được mục tiêu đào tạo đã xây dựng và các giảng viên tham gia chương trình được đào tạo chính quy đúng chuyên ngành tương ứng để đảm nhiệm công việc giảng dạy.

2. Điểm mạnh

– Chương trình bảo đảm bao quát được những nội dung theo quy định chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Thể hiện rõ nét đặc thù của ngành đào tạo.

– Cập nhật được một số nội dung mới.

3. Tồn tại

Chương trình vẫn được xây dựng theo chương trình mà Bộ ban hành cách đây khá lâu. Chưa thể hiện được nội dung liên môn. Nội dung môn học là Toán thuần túy, chưa thấy toán học ứng dụng trong những lĩnh vực khác.

4. Kế hoạch hành động

- Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm xây dựng chương trình của các Trường Đại học khác trong nước.

- Tiếp tục đổi mới chương trình theo hướng gắn chặt hơn nữa và đáp ứng tốt hơn nữa mục tiêu đào tạo giáo viên Toán trung học phổ thông.

- Giảng viên cần được học về thiết kế chương trình (syllabus design)

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.2: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuyển dần sang hình thức tích lũy tín chỉ; được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý và nhà tuyển dụng; đảm bảo tính hệ thống và có cấu trúc hợp lý; cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu.

1. Mô tả

Thực hiện sự chỉ đạo đổi mới chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã đầu tư nhiều công sức, thời gian để phát triển chương trình với sự tham gia của tất cả các giảng viên. Tuy nhiên đóng vai trò quan trọng nhất vẫn là Ban chủ nhiệm khoa và trường, phó bộ môn.

Chương trình mới gồm:

- 1) Quyết định ban hành chương trình;
- 2) Phần giới thiệu chung và chương trình khung

3) Phần Đề cương chi tiết (tháng 9/2003) tất cả các học phần trong chương trình.
[H02.02.01]

2. Điểm mạnh

Chương trình bảo đảm tính hệ thống và có cấu trúc tương đối hợp lý.

3. Tồn tại

– Chương trình vẫn xây dựng theo kinh nghiệm và quan niệm cũ. Còn nặng phần lí thuyết, yếu về thực hành.

– Nội dung các môn học chuyên ngành chưa sát với phổ thông. Còn quá nhiều môn chung ở giai đoạn đại cương, có vài môn cần được giảm số tiết.

4. Kế hoạch hành động

- Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ.

- Tranh thủ nhiều hơn các thành phần hữu quan trong việc xây dựng chương trình, đặc biệt là sự tham gia của các nhà tuyển dụng.

- Giảm bớt những nội dung lý thuyết, tăng cường hơn nữa phần thực hành và phần tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.3: Có đầy đủ kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết cho các học phần, môn học; định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo hướng liên tục cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

So với chương trình cũ, chương trình mới phản ánh những quan niệm mới về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên tham gia chương trình, được cập nhật hóa theo hướng càng ngày càng gắn kết với thực tiễn dạy học môn Toán ở trường phổ thông, giúp cho sinh viên khi ra trường nhanh chóng thích nghi và đảm đương tốt nhiệm vụ giảng dạy. [H02.03.01], [H02.03.02]

Tuy nhiên chương trình này vẫn còn phải tiếp tục được đổi mới, nhất là trong tình hình Bộ Giáo dục và Đào tạo đang vạch ra lộ trình chuyên đào tạo theo hướng niên chế sang đào tạo theo tín chỉ. Nhiều điểm căn bản phải thay đổi, từ nội dung, cơ cấu đến thời lượng các môn học; từ phương pháp giảng dạy đến hình thức đánh giá. Giảng viên tham gia chương trình tích cực và chủ động trong việc đổi mới chương trình. Qua những lần đổi mới, bộ môn đã bổ sung thêm một số môn mới, thứ tự các học phần cũng được thay đổi chẳng hạn: học phần Tin học chuyên ngành, học phần Lý luận dạy học Toán. [H02.03.01]

2. Điểm mạnh

Chương trình gắn kết với thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. Chính yêu cầu dạy học ở trường phổ thông là một trong những cơ sở quan trọng nhất cho định hướng đổi mới chương trình đào tạo của ngành sư phạm Toán.

3. Tồn tại

– Nhiều môn học không thay đổi được do bị khống chế bởi chương trình khung của Bộ.

– Thiếu kinh nghiệm khi xây dựng chương trình đào tạo giáo viên. Chương trình được xây dựng gần đây nhất vẫn chủ yếu dựa vào sự thừa kế những chương trình cũ.

– Chất lượng đổi mới chương trình chỉ tập trung ở một số giảng viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy. Giảng viên phương pháp giảng dạy hỗ trợ chưa thật sự hiệu quả cho việc điều chỉnh theo hướng này.

4. Kế hoạch hành động

- Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo giáo viên nói chung, chương trình đào tạo giáo viên môn Toán nói riêng của các nước tiên tiến, đặc biệt là chương trình thích hợp để triển khai đào tạo theo hướng tín chỉ.

- Rà soát lại để bỏ những nội dung môn học đã lạc hậu và cập nhật những nội dung mới.

- Gắn kết hơn nữa chương trình đào tạo với thực tiễn phổ thông để có những điều chỉnh về chương trình một cách thích hợp.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.4: Thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát triển năng lực giảng dạy, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Hằng năm tổng kết, đánh giá và phổ biến kinh nghiệm đổi mới phương pháp dạy và học.

1. Mô tả

Những năm gần đây, giảng viên tham gia chương trình và sinh viên ngành sư phạm Toán đã có những cố gắng đổi mới phương pháp dạy và học. Tinh thần chung của nội dung, biện pháp đổi mới là:

– Thay đổi cơ cấu nội dung bài giảng trong khuôn khổ cho phép theo hướng:

+ Giảm bớt các nội dung lý thuyết, tăng các hoạt động thực hành;

+ Giảm việc đọc diễn của thầy, tăng việc học và đọc của sinh viên;

+ Gắn nội dung giảng dạy ở đại học với chương trình, sách giáo khoa hiện hành ở trường phổ thông trung học.

– Áp dụng một số hình thức tổ chức dạy học tiên tiến và phương tiện hỗ trợ dạy học hiện đại: dạy học nêu vấn đề, tăng cường hoạt động nhóm, tăng cường thuyết trình, seminar,... sử dụng giáo án điện tử, bài giảng điện tử; tổ chức các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm trong sinh viên.

2. Điểm mạnh

Có nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo và có những ưu thế nhất định trong việc đề xuất, cập nhật những điểm mới trong nội dung, phương pháp dạy học.

3. Tồn tại

Chưa có sự thay đổi sâu và rộng về phương pháp giảng dạy. Việc đổi mới chỉ diễn ra ở một số môn học và giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

- Đưa vào chương trình Hội nghị học tốt mà bộ môn Toán [H02.04.01] có kế hoạch tổ chức hàng năm một số nội dung về đổi mới phương pháp dạy học Toán (lưu ý các hình thức dạy học theo nhóm, dạy học theo “dự án”, tổ chức tự học cho sinh viên qua hệ thống câu hỏi nêu vấn đề, bài tập thực hành, bài tập có tiêu chí tự đánh giá,... theo đặc trưng môn học).

- Tích cực đề nghị với nhà trường để có cơ sở phòng ốc, trang thiết bị dạy học ngày một tốt hơn.

- Tổ chức một số buổi giới thiệu, tập huấn cho một số nhóm giảng viên trong Bộ môn về dạy học theo dự án, kỹ thuật soạn bài giảng điện tử và một số hình thức ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5: Thực hiện đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá người học, đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và khách quan trong đánh giá. Hằng năm lấy ý kiến phản hồi từ người học và thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá.

1. Mô tả

Về vấn đề kiểm tra đánh giá từng môn học: điểm điều kiện 30% kết hợp với điểm thi 70% .

Việc kiểm tra đánh giá các học phần được thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan, thể hiện ở chỗ kì thi kết thúc học phần do phòng khảo thí và kiểm định chất lượng tổ chức, chứ không phải các giảng viên; đề thi được trường bộ môn phê duyệt, mỗi phòng thi có 2 giám thị coi thi, bài thi bao giờ cũng được rọc phách. [H02.05.01]

Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cần đạt đối với sinh viên ở từng học phần, từng phân môn khác nhau đáng kể nên vẫn còn tình trạng chênh lệch về kết quả đánh giá. Chẳng hạn có những học phần, những phân môn nhiều sinh viên đạt điểm khá giỏi, thỉnh thoảng mới có sinh viên thi lại, nhưng có những học phần, phân môn ít điểm khá giỏi, rất nhiều sinh viên dưới điểm trung bình, thậm chí phải thi lại nhiều lần. Ở đây, ngoài độ khó của học phần, phân môn, còn có sự khác biệt về quan niệm, về yêu cầu, cách thức kiểm tra đánh giá. Nhà trường thường tổ chức khảo sát nhằm lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác đào tạo của giảng viên tham gia chương trình. Các thông tin liên quan đến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được lưu ý đúng mức.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên tham gia chương trình được tiến hành khá tốt.

- Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhìn chung bảo đảm tính khách quan, công bằng, độ tin cậy khá cao.

3. Tồn tại

Chưa áp dụng rộng rãi được những hình thức, phương pháp dạy học hiện đại, nên chưa tạo được bước đột phá trong việc đổi mới kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục tạo sự đồng bộ giữa đổi mới phương pháp dạy học với đánh giá đo lường thành quả học tập của sinh viên; đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá trong điều kiện cho phép.

- Tăng cường đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên qua cả quá trình học tập.

- Cho nhiều bài tập lớn để tạo ra kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6: Hoạt động thực tập sư phạm được tổ chức có hiệu quả. Hằng năm lấy ý kiến phản hồi từ cơ sở thực tập, người thực tập, người hướng dẫn thực tập và có biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động thực tập sư phạm.

1. Mô tả

Trong mỗi khóa học, hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên bộ môn Toán được tiến hành thành 2 đợt: đợt 1 gồm 3 tuần, thực hiện vào học kì 5 (năm thứ 3), đợt 2 gồm 8 tuần thực hiện vào học kì 8 (năm thứ 4). Việc tổ chức quản lý hoạt động thực tập của sinh viên được tiến hành theo hình thức có giảng viên trưởng đoàn [H02.06.01], có hồ sơ hướng dẫn KTSP-TTSP [H02.06.02].

Chuẩn bị cho các đợt thực tập sư phạm, những việc thường xuyên đã thành nếp như rà soát lại các học phần lý luận dạy học bộ môn; thông tin về danh mục bài thực tập; soạn bài, tập giảng; làm quen với phương tiện, thiết bị hỗ trợ dạy học hiện đại.

Sau 2 đợt thực tập, cùng với các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ, phần lớn sinh viên đều thấy trưởng thành, tự tin, gắn bó với nghề nghiệp hơn. Qua đó, kiến thức lý thuyết được củng cố, vốn hiểu biết thực tế được tích lũy, nhiều điều bổ ích được thu hoạch, thuận lợi khó khăn, sở trường sở đoản của bản thân mỗi người học được hình dung rõ rệt hơn và từ đó có kế hoạch tự điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện kỹ năng sư phạm. Ngoài ra nhà trường còn tổng kết sau mỗi đợt KTSP và TTSP để đúc kết kinh nghiệm cho các đợt kiến tập, thực tập sau. [H02.06.03]

2. Điểm mạnh

– Ban chủ nhiệm khoa Sư phạm, bộ môn Toán có kinh nghiệm và có ý thức tích lũy kinh nghiệm chỉ đạo thực tập sư phạm.

– Sinh viên Toán có ý thức học tập, rèn luyện nghiệp vụ, được chuẩn bị tốt cho các hoạt động thực tập sư phạm.

– Các đợt thực tập sư phạm thường niên được tổ chức đúng qui trình, kế hoạch, tương đối có chất lượng, hiệu quả.

– Có những cải tiến đúng hướng, bám sát thực tế dạy học Toán ở trường trung học phổ thông nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nghiệp vụ cho sinh viên.

3. Tồn tại

– Cơ sở vật chất nhà trường còn thiếu thốn, gây trở ngại, khó khăn cho các hoạt động chuẩn bị thực tập sư phạm của sinh viên (ví dụ: sinh viên không có phòng tập giảng, thiếu trang thiết bị như máy chiếu, máy vi tính...).

– Việc đánh giá kết quả thực tập sư phạm của ban chỉ đạo các trường trung học phổ thông chưa dựa trên một mặt bằng quy chuẩn, không ít trường hợp thiếu công bằng trong đánh giá giờ giảng thực tập cũng như cho điểm, xếp loại kết quả thực tập của sinh viên, nhất là giữa sinh viên đoàn này với đoàn khác.

4. Kế hoạch hành động

- Phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn của môn phương pháp giảng dạy.

- Tổ chức một số hội thảo nghiệp vụ sư phạm nhằm tập hợp ý kiến của giáo viên, hiệu trưởng các trường trung học phổ thông về hoạt động thực tập của sinh viên Toán.

- Định kì tổ chức các hội thi nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, nghiên cứu để đa dạng hóa nội dung và hình thức các hội thi này. Tăng cường cho sinh viên tập giảng nhiều hơn.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7: Kết hợp các hoạt động dạy và học với nghiên cứu khoa học trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

1. Mô tả

Trong đào tạo đại học, việc kết hợp giữa hoạt động dạy học với nghiên cứu khoa học là một yêu cầu có tính nguyên tắc.

Kết hợp giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học giúp các giảng viên tiếp cận sâu sắc hơn các vấn đề về khoa học cơ bản cũng như khoa học sư phạm. Nhờ đó việc giảng dạy đạt được kết quả tốt hơn. Hoạt động nghiên cứu khoa học cũng giúp các giảng viên phát triển năng lực tư duy, kinh nghiệm nghiên cứu, những điều mà một giảng viên đại học sư phạm cần phải có để có thể đào tạo nên những giáo viên trung học phổ thông có năng lực tư duy tốt và có khả năng nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia chương trình và sinh viên ngành sư phạm Toán trong nhiều năm qua tuy có chú ý đến các vấn đề thuộc khoa học giáo dục, nhưng chủ yếu vẫn tập trung vào các vấn đề khoa học cơ bản.

Nhiều giảng viên nhận thức rõ vai trò của nghiên cứu khoa học trong môi trường đại học, có đam mê nghiên cứu khoa học và có công trình được công bố thường xuyên.

2. Điểm mạnh

– Có nhiều giảng viên kết hợp hoạt động dạy học với nghiên cứu khoa học trong đào tạo. [M.02.07.01], [M.02.07.02], [M.02.07.03], [M.02.07.04]

– Một số giảng viên thực sự là tấm gương và là người dẫn đường tốt cho sinh viên trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

– Đề tài nghiên cứu vẫn còn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực khoa học cơ bản, chưa có nhiều thành quả nghiên cứu về khoa học giáo dục và sư phạm. Vì vậy, việc kết hợp các hoạt động dạy và học với nghiên cứu khoa học chưa thật sự tốt.

4. Kế hoạch hành động

- Đề nghị nhà trường có những chính sách thích hợp để hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

- Chú ý tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học theo nhóm, theo chuyên ngành cũng như liên ngành để thực hiện những đề tài khoa học có quy mô rộng lớn, nhất là những đề tài có tính chất liên ngành. Ưu tiên các đề tài thuộc khoa học giáo dục.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị khoa học của bộ môn và hội nghị khoa học của sinh viên.

Tuy nhiên, các giảng viên tham gia chương trình cũng nhận thức rõ rằng, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ nan giải trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Một khi đời sống và môi trường làm việc của giảng viên chưa được cải thiện đáng kể thì mọi kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học đều chưa phát huy hết hiệu quả của nó.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.8: Đảm bảo an toàn, chính xác và khoa học trong lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của người học; thuận lợi cho việc phổ biến, quản lý, truy cập, tổng hợp báo cáo.

1. Mô tả

Kết quả học tập và rèn luyện của người học không chỉ là tài liệu cần thiết đối với sinh viên đang theo học hoặc đã tốt nghiệp mà còn là căn cứ rất quan trọng đối với người quản lý trong đánh giá định kì chất lượng chương trình đào tạo và đề ra chủ trương, chính sách mới trong công tác đào tạo. Phòng khảo thí và kiểm định chất lượng lưu trữ điểm số và những thông tin liên quan đến sinh viên rất chi tiết.

2. Điểm mạnh

Phòng khảo thí và kiểm định chất lượng có nhân viên chuyên trách công tác lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của người học. Khi cần thiết, các số liệu hữu quan có thể được cung cấp đầy đủ, chính xác phục vụ cho công tác báo cáo, quản lý. Hoặc xem tại địa chỉ: <http://exams.agu.edu.vn/?oid=results>

3. Tồn tại

Chưa xây dựng được “văn hóa lưu trữ” theo nghĩa đầy đủ của cụm từ này. Việc lưu trữ tài liệu và số liệu chưa thật sự được nhận thức đầy đủ và được tiến hành chủ yếu bằng kinh nghiệm và với phương pháp khá thủ công.

4. Kế hoạch hành động

- Đề nghị nhà trường trang bị thêm máy tính.
- Chú ý lưu trữ tư liệu vào nhiều nguồn khác nhau như đĩa CD, ổ cứng với dung lượng lớn để bảo đảm cho việc lưu trữ được an toàn.
- Tiến tới quản lý dữ liệu cho mỗi sinh viên toán theo hệ thống cơ sở dữ liệu.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Về chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông, chương trình đào tạo của bộ môn Toán được xây dựng bám sát Chương trình khung khối ngành Sư phạm trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thật sự phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông và đáp ứng nhu cầu về giáo viên Toán trung học phổ thông của xã hội; được xây dựng với sự tham gia của tất cả các giảng viên, cán bộ quản lý trong bộ môn Toán; đảm bảo tính hệ thống và có cấu trúc tương đối hợp lý; đã có chú ý đến sự cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; có đầy đủ kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết cho các học phần, môn học; được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo hướng liên tục cải tiến chất lượng.

Bộ môn cũng chú ý thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát triển năng lực giảng dạy của giảng viên, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học, đã có những cố gắng đáng khích lệ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Có những bước đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá người học, đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và khách quan trong đánh giá. Bộ môn Toán thường xuyên quan tâm thu thập ý kiến phản hồi từ người học và thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá. Việc lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của người học được bảo đảm an toàn, chính xác; thuận lợi cho việc quản lý, phổ biến và tổng hợp báo cáo.

Trong tương lai gần, chương trình cần được xây dựng lại theo hướng hiện đại hơn, thích hợp với hình thức đào tạo tín chỉ, giảm lý thuyết, tăng thực hành, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 8

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông

Mở đầu

Giảng viên bao giờ cũng là nhân tố sống còn của mọi chương trình đào tạo. Việc xây dựng một đội ngũ đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có cơ cấu chuyên môn phù hợp, bảo đảm có tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Do đó bộ môn Toán, khoa Sư phạm và trường Đại học An Giang luôn tạo điều kiện cho các giảng viên được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, được chăm sóc sức khỏe, được làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo.

Tiêu chí 3.1: Có đủ số lượng, có cơ cấu chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo, quy mô đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

1. Mô tả

Hiện có 37 giảng viên tham gia chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông ngành Toán [H03.01.01]. Ngoài 15 giảng viên trong bộ môn Toán tham gia giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành Toán còn có giảng viên từ các bộ môn khác trong Khoa Sư phạm (như bộ môn Vật lý, Tâm lý, Tiếng Anh), các bộ môn trực thuộc BGH như bộ môn Giáo dục thể chất, bộ môn Giáo dục quốc phòng và một số khoa khác (Khoa Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường, Khoa Lý luận chính trị) tham gia giảng dạy khối kiến thức đại cương, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

Đại học An Giang là đại học vùng, quy mô tuyển sinh các ngành Sư phạm ở ba tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và quận Thốt Nốt, huyện Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ [H03.01.02]. Số lượng sinh viên hàng năm theo chương trình khoảng 350 sinh viên [H03.01.03], tỉ lệ sinh viên trên mỗi giảng viên là 9,46. Các giảng viên trên không những tham gia chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông ngành Toán mà còn tham gia giảng dạy cho nhiều chương trình khác trong trường nên nhiều giảng viên dạy vượt định mức, nhất là những giảng viên có kinh nghiệm [H03.01.04].

Đại học An Giang thành lập được 10 năm nên trong những năm đầu giảng viên cơ hữu của trường tham gia chương trình còn thiếu, khối kiến thức chuyên ngành còn thiếu giảng viên ở trường đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh [H03.01.05], trong năm năm trở lại đây, lực lượng giảng viên trẻ mới nhận về tương đối đông nên tình trạng thiếu giảng viên không còn, trường chỉ còn mời một số giảng viên hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp. [H03.01.06].

Tóm lại với lực lượng giảng viên hiện thời của chương trình đáp ứng đủ số lượng và có cơ cấu chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo, quy mô đào tạo giáo viên trung học phổ thông ngành Toán.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy.

- Tham gia chương trình có nhiều giảng viên trẻ năng động, có sức khỏe và ý chí phấn đấu cao.

3. Tồn tại

- Không có tính liên tục giữa các thế hệ giảng dạy.

- Có nhiều giảng viên phải dạy vượt định mức.

- Mỗi giảng viên còn phải đảm nhiệm nhiều học phần cho các chương trình khác trong năm học.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ đồng thời tiến hành những biện pháp sau:

- Tích cực chuyển từ học chế niên học sang học chế tín chỉ.

- Tăng cường thêm giảng viên, nhất là những giảng viên trẻ, có triển vọng phát triển lâu dài. Ưu tiên thu hút những giảng viên đã có bằng cấp cao và có thành tích thực sự về chuyên môn về công tác tại trường, phục vụ cho việc thực hiện chương trình.

- Thành lập nhóm chuyên môn chính thức.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2: Đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo đối với giáo viên trung học phổ thông và các kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Trong 37 giảng viên tham gia chương trình, 25 giảng viên là thạc sĩ, 13 giảng viên là cử nhân ở nhiều chuyên ngành khác nhau. Như vậy đội ngũ giảng viên đạt trình độ chuẩn đào tạo đối với các nhà giáo tham gia đào tạo giáo viên trung học phổ thông, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học [H03.02.01], [H03.02.02]. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng chưa cao, hiện bộ môn Toán chưa có giảng viên có học vị tiến sĩ.

Nhà trường yêu cầu đối với giảng viên mới nhận về phải có chứng chỉ B ngoại ngữ, chứng chỉ A tin học trở lên (Thông báo tuyển dụng của trường trên mạng). Hiện nay, 80% giảng viên có thể tham khảo tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài. 100% giảng viên sử dụng được internet phục vụ cho công việc.

Về nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên tham gia chương trình có khả năng vừa giảng dạy vừa tham gia nghiên cứu khoa học: Trong năm gần đây bộ môn có 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường đã được nghiêm thu [H03.02.03], [H03.02.04]; 5 chuyên đề sinh hoạt bộ môn và báo cáo cho sinh viên [H03.02.05]; hướng dẫn 20 sinh viên làm đề tài nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp [H03.02.06].

2. Điểm mạnh

- 100% giảng viên trong chương trình đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo.

3. Tồn tại

- Mức độ đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học chưa cao. Hiện bộ môn chưa có giảng viên có học vị tiến sĩ, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

- Mỗi năm, nhà trường cử ít nhất một giảng viên tiếp tục học tập ở bậc cao hơn ở trong hoặc ngoài nước. Yêu cầu các giảng viên mới nhận về sau hai năm phải đạt được trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng được yêu cầu chuyên môn.

- Hàng năm nhà trường tổ chức hoặc cử giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

- Hàng tháng các nhóm chuyên môn sinh hoạt ít nhất một lần. Các giảng viên lâu năm chuyển giao kinh nghiệm giảng dạy các giảng viên trẻ.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3: Đạt tiêu chuẩn về phẩm chất tư tưởng chính trị, đạo đức nhà giáo và sức khỏe.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của chương trình có phẩm chất tư tưởng chính trị vững vàng, trung thành với đường lối của Đảng, chấp hành pháp luật của nhà nước, nội quy quy định của cơ quan. Hàng năm các giảng viên đều đạt danh hiệu thi đua từ hoàn thành nhiệm vụ, lao động giỏi, chiến sỹ thi đua (Danh sách thi đua). Cho đến nay không có trường hợp giảng viên vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức nhà giáo.

100% giảng viên tham gia đầy đủ các buổi học chính trị, pháp luật, đóng góp giúp đỡ đồng bào gặp khó khăn, thiên tai, hoạn nạn. [H03.03.01], [H03.03.02], [H03.03.03]

Theo quy định, khi nhận giảng viên mới, trong lý lịch của mỗi bộ phận giảng viên đều phải có giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên chứng thực đủ sức khỏe công tác. Hàng năm nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho giảng viên. Nghĩa là khi nhận vào trường cũng như trong quá trình công tác đội ngũ giảng viên đạt tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ cho việc giảng dạy [H03.03.04]

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của chương trình có sức khỏe tốt phục vụ công tác

3. Tồn tại

- Việc kiểm tra sức khỏe định kỳ còn mang tính hình thức, chất lượng dịch vụ khám chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

- Tổ Y tế tham mưu cho trường hợp đồng với cơ sở khám định kì có uy tín, nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh.

- Hàng năm, nhà trường tổ chức cho cán bộ giáo viên đi du lịch, nghỉ mát, an dưỡng.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4: Đảm bảo thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo; có kế hoạch bài giảng cá nhân được phê duyệt, đồng thời tham gia xây dựng kế hoạch đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy của khoa, bộ môn. Hàng năm, tham gia nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên được phân công giảng dạy đều có đề cương chi tiết, kế hoạch giảng dạy, lịch trình giảng dạy. Tất cả các học phần có trong chương trình đều được dạy đủ nội dung và thời lượng quy định [H03.04.01]. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết trong đó quy định rõ: tên học phần, thời lượng, phân bổ thời gian (tỉ lệ phần lí thuyết và thực hành), mục tiêu, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu học tập, nội dung chi tiết học phần [H03.04.02]. Kế hoạch giảng dạy được xây dựng và phê duyệt theo kế hoạch đào tạo chung của trường [H03.04.03], [H03.04.04]. Các giảng viên tham gia đào tạo được trao đổi để thống nhất kế hoạch đào tạo hàng năm.

Hiện đã có 3 giáo trình, 1 đầu sách được xuất bản, 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường đã được nghiệm thu, 1 đề tài đang thực hiện [H03.04.05], [H03.04.06]

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của chương trình có khả năng nghiên cứu khoa học, tham gia biên soạn giáo trình tài liệu.

3. Tồn tại

- Nghiên cứu khoa học chỉ tập trung ở một số người, chưa trở thành một hoạt động thường xuyên của tất cả các giảng viên.

- Các nghiên cứu thường do cá nhân, không có công trình tập thể.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ được thực hiện hiệu quả ở một vài nhóm giảng viên.

- Chất lượng các công trình nghiên cứu của số đông giảng viên chưa cao, chủ yếu là hướng đến chất lượng cấp trường, ít có những công trình nghiên cứu đạt chất lượng cấp tỉnh và cấp cao hơn nữa.

4. Kế hoạch hành động

- Giảng viên ghi sổ đầu bài đúng và đầy đủ.

- Giảng viên có bài giảng cá nhân được cấp bộ môn phê duyệt.

- Luân phiên đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, ít nhất mỗi năm có 2 đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu.

- Các nhóm chuyên môn phối hợp thực hiện đề tài tập thể.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5: Được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị, ngoại ngữ, tin học.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo. Qua đó, các giảng viên vừa phát triển chuyên môn vốn có của mình, vừa có thể mở rộng sang những lĩnh vực kế cận để có thể đảm nhiệm giảng dạy môn học mới khi có nhu cầu. [H03.05.01]

Nhà trường nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, vì thực tiễn cuộc sống luôn thay đổi, yêu cầu của xã hội đối với giáo dục nói chung và đối với giảng viên đại học nói riêng càng ngày càng cao. Đặc biệt trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang có những đổi mới mạnh mẽ, nếu không được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thì người giảng viên sẽ trở nên lạc hậu. Vì vậy, nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để các giảng viên được đi học các khóa ngắn hạn và dài hạn. Hàng năm có các đoàn tham gia dự hội nghị Toán học ở Vinh, Quy Nhơn, Đà Lạt, TP Hồ Chí Minh, Huế.... Trong năm năm qua, Bộ môn đã có 10 lượt giảng viên đi học cao học trong nước, 2 lượt giảng viên đi học nước ngoài. 10 lượt giảng viên được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. [H03.05.02]. Tuy áp lực công việc đối với tất cả các giảng viên đều rất nặng nề nhưng tất cả các giảng viên có nhu cầu đi học và tìm được nguồn tài trợ để đi học đều được nhà trường ủng hộ và tạo điều kiện về mặt hành chính và tổ chức, các giảng viên còn lại sẵn sàng gánh vác phần việc của người đi học.

2. Điểm mạnh

100% giảng viên được phân công đúng chuyên môn.

Nhà trường quan tâm phát triển lực lượng giảng viên.

3. Tồn tại

Việc tạo điều kiện nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho giảng viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho giảng viên học ngoại ngữ, đi dự hội thảo trao đổi chuyên môn nghiệp vụ.

- Tích cực tuyển dụng giảng viên trẻ và tạo điều kiện để họ được đi học sớm. Tạo điều kiện cho các thạc sĩ trẻ được đi nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6: Được đảm bảo các quyền và lợi ích liên quan đến hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Về cơ bản, các giảng viên của chương trình được đảm bảo các quyền và lợi ích liên quan đến hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, được giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo, được trả lương đúng thời hạn, được nghỉ phép khi đau ốm [H03.06.01], [H03.06.02], [H03.03.02]

Nhà trường có máy chiếu, phòng nghe nhìn, phương tiện dạy học hỗ trợ việc giảng dạy của giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên học tập và nghiên cứu khoa học.

Lãnh đạo nhà trường và Ban chấp hành công đoàn phối hợp tốt với nhau để bảo đảm phân phối công bằng các khoản phúc lợi, bảo đảm sự đoàn kết, đồng thuận giữa các giảng viên. Hàng tháng các giảng viên và nhân viên nhà trường được hưởng tiền phụ cấp tăng thêm từ 50.000đ/người/tháng lên mức 200.000đ và hiện nay (2009) đến ở mức 600.000đ.

2. Điểm mạnh

Các quyền và lợi ích cơ bản của giảng viên liên quan đến hoạt động nghề nghiệp được thực hiện tốt.

3. Tồn tại

Các quyền và lợi ích cao hơn chưa được đáp ứng.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường có những đầu tư về máy móc, trang thiết bị hỗ trợ cho việc giảng dạy của các giảng viên. Tạo điều kiện thuận lợi về mặt hành chính và tài chính để các giảng viên tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.7: Được định kỳ đánh giá năng lực giảng dạy, được hỗ trợ tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn thực tập sư phạm.

1. Mô tả

Việc đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên là công việc tế nhị, phức tạp. Năng lực giảng dạy của mỗi giảng viên được đánh giá chủ yếu căn cứ vào:

- 1) Ý kiến tự đánh giá của giảng viên;
- 2) Ý kiến nhận xét đánh giá của tổ, nhóm bộ môn (nhất là ý kiến của những người cùng nhóm chuyên môn) [H03.07.01];
- 3) Hiệu quả học tập và ý kiến đánh giá của sinh viên (thường là những ý kiến đánh giá “tế nhị”, được thăm dò một cách “gián tiếp”) [H03.07.02]

Các giảng viên của chương trình đăng kí giờ dạy thao giảng, các thành viên khác dự giờ, sau đó tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm. Việc đánh giá các giảng viên là việc làm thường xuyên của nhà trường [H03.07.03].

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nhà trường tạo điều kiện về thời gian và tài chính cho các giảng viên, nhóm giảng viên tham gia chủ trì các đề tài khoa học cấp trường, cấp bộ [H03.07.04].

Về công tác hướng dẫn thực tập sư phạm, vài năm lại đây, các đoàn thực tập sư phạm chủ yếu được phân công cho một số giảng viên ở tổ Phương pháp giảng dạy [H03.07.05]. Tuy vậy, nhà trường chủ trương huy động rộng rãi giảng viên tham gia dự giờ sinh viên thực tập [H03.07.06], làm giám khảo, cố vấn, hướng dẫn cho các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm [H03.07.07], đồng thời khích lệ, hướng dẫn họ “tích hợp” nghiệp vụ sư phạm trong các bài giảng.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động dự giờ có tính khoa học.

3. Tồn tại

- Hoạt động đánh giá vẫn còn theo những hình thức khá cũ.
- Việc nghiên cứu khoa học của giảng viên vẫn còn nhiều hạn chế.
- Việc hướng dẫn thực tập sư phạm chưa được phân công rộng rãi tới tất cả các giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

- Phòng đào tạo lập quy trình đánh giá giảng viên.
- Bộ môn phân công luân phiên cho các giảng viên đều được hướng dẫn thực tập sư phạm.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.8: Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1. Mô tả

Các chủ trương, qui định của nhà trường cũng như các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đều được các giảng viên của chương trình hưởng ứng, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

Các giảng viên xem giảng dạy là nghĩa vụ và quyền lợi của nhà giáo; làm việc, ứng xử theo pháp luật là bổn phận của công dân; tuân thủ nội qui, qui chế của nhà trường là trách nhiệm của người công chức lao động, vì vậy trong suốt nhiều năm không có trường hợp vi phạm kỉ luật lao động, qui chế thi cử.

2. Những điểm mạnh

Tất cả các giảng viên đều có ý thức công dân tốt.

Không có sai phạm trong việc thực hiện các quy định của nhà trường, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Những tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

Giảng viên tiếp tục chấp hành tốt những quy định của nhà trường, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Đội ngũ giảng viên của chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông ngành Toán có cơ cấu chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo; có kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết để tham gia đào tạo giáo viên trung học phổ thông, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt tiêu chuẩn về phẩm chất tư tưởng chính trị, đạo đức nhà giáo và sức khỏe; bảo đảm thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo; tích cực tham gia biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; nhiều giảng viên có tâm huyết với nghiên cứu khoa học. Tất cả các giảng viên đều được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; được tạo điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn thực tập sư phạm. Tuy nhiên đội ngũ giảng viên của chương trình còn phải phấn đấu nhiều về chuyên môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 8.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Người học và công tác hỗ trợ người học thuộc chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông

Mở đầu

Theo quan điểm giáo dục hiện đại, người học là trung tâm của quá trình dạy học. Mọi cải cách giáo dục đều thất bại nếu không thực sự tác động đến người học, làm cho quá trình học chuyên biến. Chính vì vậy, khi đánh giá chất lượng chương trình đào tạo không thể không đề cập đến đối tượng sinh viên và những lĩnh vực hỗ trợ sinh viên trong hoạt động học tập.

Người học là thành tố quan trọng và có tính quyết định trong công tác giáo dục của nhà trường. Chương trình đào tạo thể hiện đầy đủ mục tiêu và các yêu cầu về công tác kiểm tra, đánh giá, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách xã hội và chăm sóc sức khỏe theo quy định về y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; được đảm bảo an toàn trong trường học; được giáo dục và rèn luyện về chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống. Đồng thời được tạo môi trường thuận lợi để tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; các hoạt động đoàn thể và các hoạt động xã hội khác.

Điều này được thể hiện qua các tiêu chí đánh giá sau đây:

Tiêu chí 4.1: Người học được đảm bảo tuyển chọn công bằng và khách quan.

1. Mô tả

Trường thực hiện công tác tuyển sinh rất nghiêm túc theo đúng qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo, không sai phạm qui chế tuyển sinh.

Sinh viên được tuyển chọn thận trọng, kỹ lưỡng. Các bài thi được chấm đúng qui trình hai vòng độc lập, chấm và tính điểm, ghi điểm đúng qui chế nhằm bảo đảm sự tuyển chọn công bằng khách quan. [H04.01.01]

– Cán bộ, giảng viên trong hội đồng tuyển sinh ý thức rõ ràng: phải coi trọng chất lượng đầu vào, chú ý hoàn thiện cách thức, qui trình chấm thi; kiên quyết coi trọng chất lượng và bảo đảm công bằng khách quan. [H04.01.02]

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh nhiều năm liền. Không có hiện tượng tiêu cực.

3. Tồn tại

Không có

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện việc tuyển chọn công bằng khách quan.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2: Được phổ biến các quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường.

1. Mô tả

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường là cung cấp thông tin ban đầu về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, các yêu cầu, biện pháp kiểm tra đánh giá đối với người học trong toàn khóa học. Người học định hình được chương trình học tập và xây dựng cho mình một kế hoạch học tập hợp lý [H04.02.01]; xác định được hướng phấn đấu trong suốt quá trình học tập tại nhà trường.

Thí sinh được giới thiệu về các ngành nghề đào tạo của trường thông qua tài liệu tuyên truyền, phổ biến về công tác tuyển sinh (tờ bướm, đĩa DVD), các đợt học sinh các trường THPT đến tham quan trường... [H04.02.02].

Do được cung cấp đầy đủ những thông tin về đào tạo nên đa số HSSV chấp hành tốt quy chế học tập và sinh hoạt. Số HSSV vi phạm quy chế đào tạo cũng như những quy định khác của nhà trường rất thấp [H04.02.03]. Sinh viên có thể tìm hiểu sâu hơn những vấn đề có

liên quan đến học tập cũng như các chế độ chính sách thông qua các tài liệu, các bản tin hay trên website của trường

Sinh viên của bộ môn Toán còn được thông báo chương trình đào tạo ngay từ khi nhập học trong buổi sinh hoạt chủ nhiệm của từng lớp.

Sinh viên năm thứ nhất được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông ngay khi nhập học và đề cương chi tiết các học phần trong tiết giới thiệu học phần. [H04.02.04]

– Trước khi vào học chính khóa từ năm thứ nhất, tất cả sinh viên đều được nhà trường phổ biến đầy đủ, chi tiết các quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường. [H04.02.05]

2. Điểm mạnh

Quyền được tiếp cận thông tin được bảo đảm một cách công bằng đối với mọi đối tượng sinh viên.

Thông tin được cung cấp kịp thời, chính xác, giúp sinh viên có được định hướng tốt trong học tập, rèn luyện.

3. Tồn tại

Chưa tận dụng triệt để công nghệ thông tin trong việc phổ biến thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Đầu khóa học, cung cấp cho tất cả các sinh viên mới nhập học đề cương chi tiết tất cả các học phần trong chương trình đào tạo.

Khai thác phương tiện Internet thông qua mạng nội bộ của trường.

5. Tự đánh giá.

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3: Được tạo điều kiện học tập và tham gia nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo giúp sinh viên có điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học [H04.03.01].

Ngày càng nhiều giảng viên áp dụng hình thức đánh giá kết quả học tập từng học phần thông qua hình thức làm tiểu luận. Hình thức này giúp sinh viên kết hợp tốt hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học [H04.03.02].

Hàng năm, có khoảng 15 % sinh viên năm thứ 4 được làm khóa luận tốt nghiệp. Việc làm khóa luận giúp sinh viên có thêm cơ hội tập sự nghiên cứu khoa học [H04.03.03].

2. Điểm mạnh

Sinh viên ngành sư phạm toán Toán được học tập trong môi trường lành mạnh, trong sáng và đối không có hiện tượng tiêu cực trong quá trình đào tạo.

– Sinh viên được học tập kết hợp với nghiên cứu khoa học như làm tiểu luận, viết khóa luận tốt nghiệp...

3. Tồn tại

Học tập kết hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học chưa được phổ biến rộng khắp và chưa có chiều sâu.

4. Kế hoạch hành động

Điều chỉnh lại chương trình đào tạo theo hướng giúp sinh viên tự học, tự nghiên cứu.

Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, tăng cường tính thực hành, giúp sinh viên kết hợp tốt hơn nữa giữa hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4: Được tạo điều kiện rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tham gia tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Sinh viên ngành sư phạm Toán được chú trọng đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức, lối sống. Do vậy trường đã xây dựng các tiêu chí và hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên [H04.04.01], xây dựng trang báo sinh viên điện tử (Enews), cung cấp các loại báo chí, tài liệu nhằm phục vụ nhu cầu rèn luyện của người học.

Đầu năm học trường Đại Học An Giang đã tổ chức triển khai “Tuần lễ sinh hoạt công dân” cho toàn thể sinh viên hệ chính quy tập trung của trường [H04.04.02], nhằm giúp sinh viên hiểu biết về quy chế đào tạo, các thông báo hướng dẫn hàng năm và nâng cao nhận thức chính trị.

Đầu năm học và định kỳ hàng quý trường tổ chức nhiều buổi báo cáo chuyên đề về pháp luật, báo cáo ngoại khóa về thời sự, kinh tế, chính trị và xã hội trong nước và thế giới cho người học; triển khai các cuộc vận động trong toàn ngành giáo dục: cuộc vận động “Hai không” của Bộ GD&ĐT [H04.04.03]; Chỉ thị số 06-CT/TW của Bộ Chính trị về cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” [H04.04.04], Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục” [H04.04.05], Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP của Chính phủ về “Một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông” [H04.04.06], tổ chức Hội thảo chuyên đề về Hội nhập Thế giới [H04.04.07]; được nhà trường tổ chức các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh [H04.04.08].

Trường tổ chức cho sinh viên tham gia các phong trào tình nguyện, quyên góp ủng hộ người nghèo, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi, giúp đỡ đồng bào khó khăn ở vùng sâu, vùng xa [H04.04.09], chiến dịch “Ánh sáng văn hóa hè”, xây dựng nếp sống văn minh, thanh lịch tại địa phương, nơi trường tọa lạc thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,... [H04.04.10].

Chương trình đào tạo có chú trọng đến đời sống văn hoá tinh thần của người học. Hàng năm, nhà trường duy trì và phát huy việc tổ chức nhiều đợt Đại hội văn thể nhân các ngày lễ lớn của dân tộc [H04.04.10], [H04.04.11] và tham gia các Hội thi [H04.04.12], Hội diễn [H04.04.10]

Việc tổ chức câu lạc bộ gia sư đã thu hút đông đảo sinh viên ngành sư phạm Toán tham gia [H04.04.13].

Đề tạo điều kiện cho người học tham gia tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, trường phân công đồng chí Trưởng phòng Công tác Sinh viên kiêm Bí thư Đoàn trường [H04.04.14], đồng chí Phó Trưởng phòng kiêm Chủ tịch Hội Sinh viên. Các tổ chức này đã xây dựng quy chế làm việc và phân cấp xuống các cơ sở theo đặc điểm của từng Khoa, nhờ vậy đảm bảo hiệu quả công tác giáo dục cho sinh viên.

- Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết về công tác phát triển Đảng trong sinh viên [H04.04.15]. Hiện nay, có 08 sinh viên ngành Toán là đảng viên [H04.04.16]. Hàng năm,

- Nhà trường đã tổ chức thành công Hội trại “Tuổi trẻ đoàn kết phòng – chống ma túy” [H04.04.18]; Hội thảo “Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cách mạng cho ĐV, sinh viên trong giai đoạn hiện nay” [H04.04.19]. Trong nhiều năm qua, không có sinh viên nào của trường vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

2. Điểm mạnh

- Trường triển khai thường xuyên công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức lối sống cho người học.

Sinh viên tự giác nâng cao nhận thức chính trị và rèn luyện phẩm chất đạo đức.

- Vai trò của tổ chức Đảng và các đoàn thể trong nhà trường ngày càng thể hiện rõ nét, hoạt động có hiệu quả và có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học.

3. Những tồn tại

- Không ít sinh viên do nhiều nguyên nhân khác nhau, chưa điều phối tốt thời gian học tập với thời gian tham gia, hưởng ứng các hoạt động của tập thể lớp, chi đoàn, chi hội.

- Sinh hoạt đoàn thể trong sinh viên đôi khi còn khô khan, đơn điệu, thiếu hấp dẫn.

- Nhà trường chưa tổ chức thăm dò ý kiến phản hồi từ người học về nội dung, hình thức cũng như hiệu quả của các hoạt động liên quan đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện lối sống của người học.

- Một số hoạt động của Đoàn, Hội đôi lúc chưa đi vào chiều sâu; tính năng động, sáng tạo chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

- Tìm và bổ sung thêm một số hình thức sinh hoạt trẻ trung, sôi nổi, bổ ích, hấp dẫn đối với sinh viên.

- Từ năm học 2009 - 2010, nhà trường cần phải xây dựng kế hoạch điều tra ý kiến phản hồi từ người học về công tác giáo dục đạo đức và tăng cường cán bộ chuyên trách công tác.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.5: Được cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ăn, ở và giải trí; được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định; được tạo điều kiện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và được đảm bảo về dịch vụ y tế học đường.

1. Mô tả

- Trường Đại học An Giang luôn xác định việc thực hiện các chế độ chính sách: trợ cấp xã hội [H04.05.01], [H04.05.02]; miễn, giảm học phí [H04.05.03], [H04.05.04], [H04.05.05]; học bổng chính sách [H04.05.02]; học bổng khuyến khích học tập [H04.05.01], vay vốn [H04.05.06] đối với HSSV là pháp lệnh. Do vậy, các thông tin về đối tượng được hưởng các chính sách xã hội và quy trình xét chọn được biên tập kỹ lưỡng trong quyển “Sổ tay sinh viên” [H04.05.07], đồng thời cử cán bộ chuyên trách của Phòng Công tác Sinh viên hướng dẫn HSSV ngay trong “Tuần sinh hoạt công dân” đầu năm học.

- Hàng năm, nhà trường thành lập Hội đồng xét duyệt cấp trường để xem xét những HSSV thuộc đối tượng hưởng các chế độ chính sách theo các quy định hiện hành. Kết quả sau khi xét duyệt được gửi tới các đơn vị để thông báo cho người học và niêm yết ở các bảng

- Đáng kể nhất là hoạt động hỗ trợ người học vay vốn tín dụng để học tập theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ [H04.05.06]; hỗ trợ tạo điều kiện cho sinh viên về nơi ở, điều kiện học tập, sinh hoạt, nhất là sinh viên khuyết tật, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vào ở KTX [H04.05.15]; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên là người dân tộc thiểu số [H04.05.16].

- Nhằm tạo điều kiện cho người học yên tâm học tập, nhà trường có Bộ phận Y tế thường trực chăm sóc sức khỏe cho người học. Hàng năm, sinh viên được nhà trường dành một khoản kinh phí 500 đồng/sv/tháng [H04.05.17] để trang bị thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh.

- Tất cả sinh viên mới trúng tuyển đều được nhà trường tổ chức kiểm tra sức khỏe theo Thông tư Liên bộ - Bộ Y tế và Bộ Giáo dục & Đào tạo [H04.05.18].

2. Điểm mạnh

- Người học thuộc diện chính sách đảm bảo được hưởng các chế độ một cách kịp thời.

- Các thông tin liên quan đến chính sách đãi ngộ, quyền lợi người học được cập nhật và phổ biến công khai.

3. Tồn tại

- Cantin chưa đáp ứng hết nhu cầu của sinh viên trong trường.

4. Kế hoạch hành động

- Phát triển quỹ khuyến học để có thêm nguồn tài chính hỗ trợ cho những sinh viên nghèo gặp khó khăn đột xuất.

- Từ năm học 2009 – 2010 trường cần có kế hoạch xây dựng mới cantin cho sinh viên.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.6: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống và đạt kết quả tốt.

1. Mô tả

- Sinh viên ngành sư phạm Toán khá chăm chỉ chuyên cần, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ Tỷ lệ sinh viên đến lớp nghe giảng chính khóa khá đông, ổn định từ 95%-100%. [H04.06.01]

+ Sinh viên Toán các lớp đến dự các buổi báo cáo chuyên đề của giảng viên [H04.06.02], dự hội nghị học tốt nhằm trao đổi kinh nghiệm, phương pháp học tập giữa sinh viên năm thứ nhất và sinh viên các năm thứ hai, ba, tư khá đông, khoảng 100 sinh viên/chuyên đề. [H04.06.03].

+ Sinh viên Toán có điểm tích lũy và tỉ lệ tốt nghiệp cao [H04.06.04], [H04.06.05], [H04.06.06], [H04.06.07].

- Sinh viên rất tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và đạt nhiều thành tích trong các hoạt động này. [H04.06.08]

- Khi được yêu cầu, đa số sinh viên tỏ ra có ý thức và có cố gắng hợp tác với nhau, hợp tác với giảng viên trong các giờ học trên lớp. Nhiều sinh viên đã tạo được cho mình thói quen

- Hầu hết sinh viên bộ môn Toán đều rất hứng thú, nhiệt tình tham gia phong trào do bộ môn phát động. Tiêu biểu là phong trào thi chọn đội tuyển Olympic Toán, khoảng 90% sinh viên Toán năm I, II, III tham gia [H04.06.09].

- Nhiều sinh viên đạt thành tích cao trong cuộc thi Olympic Toán sinh viên toàn quốc [H04.06.10].

- Hầu hết sinh viên có tinh thần cố gắng vượt khó để đạt mục tiêu học tập, phần đầu đủ tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp [H04.06.11], phần đầu không có môn thi lại, hoặc phần đầu để được nhận học bổng khuyến khích học tập [H04.06.12].

- Đa số sinh viên Toán chấp hành tốt quy chế học tập và sinh hoạt. Số sinh viên Toán vi phạm quy chế đào tạo cũng như những quy định khác của nhà trường rất thấp [H04.06.13].

- Hàng năm, sinh viên tham gia “Chiến dịch Ánh sáng văn hóa hè”, đã góp phần cùng địa phương giúp thanh thiếu niên các xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn phổ cập THCS [H04.06.14].

2. Điểm mạnh

Đa số sinh viên chăm chỉ, tích cực, có ý thức cầu tiến, năng động trong học tập và rèn luyện.

3. Tồn tại

- Còn một số ít sinh viên chưa có ý thức tự giác, tự học.

- Thư viện còn thiếu nhiều đầu sách chuyên ngành Toán

4. Kế hoạch hành động

- Thư viện cần bổ sung thêm nhiều đầu sách tham khảo chuyên ngành (kể cả sách chuyên ngành nước ngoài).

- Bộ môn Toán cần tổ chức hội nghị trao đổi về phương pháp học tập cho sinh viên trong mỗi học kỳ.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

- Sinh viên được đảm bảo tuyển chọn công bằng và khách quan.

- Được phổ biến các quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường.

- Được tạo điều kiện học tập và tham gia nghiên cứu khoa học.

- Được tạo điều kiện rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tham gia tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác theo quy định của pháp luật.

- Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống và đạt kết quả tốt.

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6

- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Học liệu, thiết bị dạy học và cơ sở vật chất khác hỗ trợ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông

Mở đầu

Học liệu, thiết bị dạy học và cơ sở vật chất là một trong những yếu tố quyết định phần lớn đến chất lượng đào tạo ở bậc Đại học.

Tiêu chí 5.1: Hệ thống học liệu của trường, đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

1. Mô tả

– Ở cấp khoa, tài liệu dạy và học phục vụ cho chương trình đào tạo giáo viên Toán THPT thật khiêm tốn [H05.01.01]. Học liệu phục vụ cho chương trình này chủ yếu dựa vào thư viện của trường. Đặt tại khu A trường ĐHAG, thư viện có diện tích sử dụng: 1.530m². Với không gian thoáng mát, thư viện gồm 400 chỗ ngồi được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, hiện có 19.410 đầu sách; trong đó có 937 đầu sách toán học (gồm khoảng 30% đầu sách chuyên ngành và phần còn lại là đầu sách đại cương). Ngoài ra, thư viện còn có Quầy sách tham khảo, nơi để sách từ điển, từ điển bách khoa, bách khoa toàn thư và những loại sách quý dùng để tham khảo tại chỗ. [H05.01.02]

Thư viện có 129 loại báo và tạp chí, trong đó có 72 loại tạp chí chuyên ngành thuộc nhiều lĩnh vực, 57 loại báo tuần- ngày, được đặt liên tục và thường xuyên như: Tạp chí Toán học, Hóa học, Vật lý.... [H05.01.03]:

Thư viện còn lưu giữ 358 bản khóa luận tốt nghiệp của sinh viên; 13 bản luận văn-luận án của giáo viên; 53 đề tài NCKH của giáo viên - sinh viên và các giáo trình của giáo viên.

Thư viện có 55 tạp chí nước ngoài và 21 quyển kỷ yếu, hội thảo nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước. Tất cả các khóa luận tốt nghiệp của sinh viên Toán, các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên Toán từ năm 2000 đến nay được thư viện lưu trữ tốt. [H05.01.03].

– Ngoài nguồn tài liệu in tương đối đa dạng [H05.01.02], thư viện hiện có nguồn tài liệu điện tử toán học khá phong phú nơi nguồn: Dspace. Đây là nơi lưu trữ trên 950 tài liệu số hóa được phát triển từ nguồn tài nguyên nội sinh của giáo viên và sinh viên trường Đại học An Giang:

Giáo trình: 83 tài liệu giảng dạy do giáo viên của trường biên soạn.

Khóa luận tốt nghiệp: 197 khóa luận tốt nghiệp của sinh viên trường ĐHAG

Luận văn, luận án: 12 luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của giáo viên trường ĐHAG

Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm: 77 đề tài nghiên cứu cấp trường của giáo viên và sinh viên đã được nghiệm thu.

Các tài liệu hội thảo, chuyên đề, tập huấn: gồm 37 tài liệu, đây là các nguồn tài liệu rất bổ ích cho bạn đọc tham khảo và cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học của trường

Thông tin khoa học: 31 tờ thông tin khoa học (gồm 551 bài viết) được xuất bản định kỳ tại trường (do Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế cập nhật) [H05.01.03]

Từ năm 2004 đến năm 2007, kinh phí dành cho việc bổ sung sách cho Thư viện trung bình mỗi năm trên 64 triệu đồng. Ngoài việc mua bổ sung sách bằng ngân sách của Trường, Thư viện còn nhận được sách tặng của cá nhân, tập thể, của Quỹ Châu Á và Dự án tài trợ. [H05.01.04]

Bước đầu các giảng viên Toán xây dựng được tủ sách tham khảo chuyên ngành ở phòng bộ môn, tuy nhiên sách vẫn chưa đa dạng và số lượng còn khiêm tốn .

2. Điểm mạnh

Nguồn tài liệu của thư viện khá đa dạng, bước đầu đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên Toán

3. Tồn tại

Sách tham khảo phục vụ cho sinh viên Toán năm thứ III, IV còn ít và chưa được cập nhật kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ nay đến năm 2015, giảng viên Toán từng bước hình thành, hoàn thiện cơ sở học liệu chuyên ngành, đa dạng, có giá trị; đồng thời nên tăng nguồn đầu tư cho thư viện để thường xuyên huy động nhiều đầu sách chuyên ngành mới, phục vụ thiết thực cho chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2: Có các thiết bị giáo dục đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành.

1. Mô tả

Trường có ADSL Network khá ổn định và cài đặt hệ thống Wireless Network khá mạnh. Thư viện trang bị 12 Laptop cho sinh viên học nhóm, 60 máy tính để bàn dành cho sinh viên và một phòng máy tính dành cho giáo viên (gồm 15 máy tính để bàn) [H05.02.01].

Phần lớn các máy tính hoạt động tốt. Thư viện đã đưa Tin học vào hoạt động quản lý từ năm 2002 đến nay, từ khâu bổ sung, biên mục, mượn trả, thống kê, tra cứu tài liệu, đến khâu quản lý độc giả bằng phần mềm quản lý thư viện tích hợp điện tử (iLib) của Công ty CMC. [H05.02.02]

Thư viện có phòng nghe nhìn được trang bị Tivi, LCD, đầu đĩa DVD, màn chiếu... để giáo viên có thể dạy những bài có hình ảnh minh họa. [H05.02.03]

Để nâng cao hiệu quả công tác và phục vụ bạn đọc, thư viện có tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm chương trình hoạt động của mình và tăng cường mở cửa phục vụ ngoài giờ hành chính.

Để tiện cho việc mượn trả sách và sử dụng máy tính của bạn đọc, vào đầu mỗi năm học, thư viện mở các lớp hướng dẫn sử dụng các dịch vụ cho sinh viên, nhằm giúp cho các em nắm được quy định và sử dụng thành thạo [H05.02.04]

Ngoài ra, Thư viện còn có thêm một số hoạt động khác như:

Xây dựng hệ thống mạng Thông tin viên giữa thư viện với các phòng ban, các khoa để kịp thời phản ánh nhu cầu của bạn đọc và giúp bạn đọc cập nhật những thông tin, dịch vụ mới của thư viện. [H05.02.05]

Quầy Thông tin của thư viện cũng giúp ích cho bạn đọc trong việc tìm kiếm và cung cấp thông tin theo yêu cầu, nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên, cán bộ và SV Trường ĐHAG, phục vụ tìm thông tin theo yêu cầu của người đọc. [H05.02.06]

Năm 2009 trường đang mời gọi đầu tư 104 tỷ đồng để mua phương tiện và các thiết bị thí nghiệm đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và NCKH cho toàn bộ các khoa, ngành cả về giảng dạy, học tập, NCKH và ngoại khóa [H05.02.07]

Trong năm 2009, trường đang thực hiện Dự án TRIG (Giáo dục đại học giai đoạn 2) và Dự án Phát triển giáo viên phổ thông Trung học và Trung cấp chuyên nghiệp, trong đó đã

phân bổ hơn 1,3 triệu USD mua sắm thiết bị phục vụ giảng dạy của khoa Nông nghiệp – TNTN và khoa Sư phạm.

BGH rất quan tâm đến việc đưa công nghệ thông tin vào trong giảng dạy, học tập và NCKH, xem đây là mũi nhọn của Trường. Tin học hóa đội ngũ cán bộ, giảng viên, SV là chủ trương bắt buộc. Vì vậy, Trường đã đầu tư mua sắm thiết bị tin học và việc mua sắm này được tăng lên hằng năm cả về số lượng lẫn chất lượng.

Hiện nay, toàn trường có 527 bộ máy vi tính và được bố trí như sau: 08 phòng máy phục vụ giảng dạy và thực tập cho SV (số lượng 312 máy); 01 phòng thiết bị mạng với 8 server; 01 phòng máy phục vụ cho giảng viên (14 máy); 01 phòng openlab phục vụ SV học tập tự do (90 máy); Máy vi tính phục vụ phòng ban (103 máy) [H05.02.08] Trường đã phủ sóng wireless cho toàn bộ khu Hiệu Bộ, Thư viện và các dãy lớp học tại khu A để cán bộ giảng viên và SV có thể truy cập mạng tự do [H05.02.09]

100% các đơn vị chức năng của Trường có website riêng; hầu hết cán bộ, giảng viên và sinh viên có sử dụng email, tất cả thông báo, thông tin của trường đều được truyền tải qua mạng.

Năm 2009 trường đã có kế hoạch mua 1.200 bộ máy vi tính. Cụ thể: Khu Thư viện trung tâm 600 máy; Trung tâm Tin học 300 máy; Các phòng Lab phục vụ giảng dạy 300 máy [H05.02.10]

Đó là những cơ sở thuận tiện cho việc quản lý, tiếp nhận, trao đổi thông tin, giảng dạy, học tập cũng như NCKH.

Tuy nhiên, văn phòng bộ môn Toán chỉ có 1 máy in, 2 máy tính để bàn (với tốc độ truy cập thông tin mạng còn yếu). Để phục vụ cho việc giảng dạy và các hội thảo khoa học, đa phần các giảng viên bộ môn toán mang theo Laptop và luân phiên đăng ký trước để mượn 2 máy LCD Projector của khoa Sư phạm.

2. Điểm mạnh

Tập thể giảng viên tham gia chương trình, sinh viên ngành sư phạm Toán của luôn được thư viện tạo mọi điều kiện để có thể tìm kiếm được nguồn tài liệu cần thiết đáp ứng phần nào nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Số thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành cho chương trình còn quá ít

4. Kế hoạch hành động

Từ nay đến năm 2010, các đơn vị chủ động đề nghị trường hỗ trợ thêm máy tính, LCD projector và các thiết bị khác có chất lượng đủ để phục vụ cho việc giảng dạy, làm việc tại phòng bộ môn của giảng viên kể cả công tác lưu trữ, xử lý dữ liệu đào tạo hằng ngày thích hợp với việc đào tạo theo học chế tín chỉ.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3: Có hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành; có đủ số lượng, diện tích, đảm bảo quy cách và được sử dụng có hiệu quả.

1. Mô tả

Ngay từ những ngày đầu hoạt động, Trường đã xây dựng nhà Hiệu bộ với 33 phòng làm việc [H05.03.01]. Với số phòng này Trường đảm bảo điều kiện tối thiểu cho các phòng ban chức năng hoạt động. Ngoài ra Trường còn bố trí 100% các tổ bộ môn có phòng làm việc riêng trên các dãy lớp học theo chuyên ngành đào tạo. [H05.03.02]

Trường có 126 phòng học, 01 hội trường lớn và 04 giảng đường với tổng diện tích là 1.152 m². Phần lớn đều đảm bảo đủ độ sáng, thông thoáng, sạch sẽ.

Những phòng học thường được sinh viên Toán sử dụng ở dãy C, D, H, I, E, L; trong đó C, D là dãy nhà cũ đã xuống cấp, H, I là các dãy nhà tiền chế chật chội và nóng bức. Số phòng học ít hơn số lớp nên có lúc khoa Sư phạm học hai ca. Việc bố trí phòng chức năng cho thực hành nghiệp vụ sư phạm thường không đáp ứng theo yêu cầu của giảng viên dạy phương pháp. Vì vậy các phòng chức năng chưa phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo giáo viên Toán THPT.

Năm 2009, trường hoàn thành dự án xây dựng dãy lớp học gồm 94 phòng học, 6 giảng đường 120 chỗ, 04 giảng đường 150 chỗ, 02 giảng đường 300 chỗ, 01 giảng đường 600 chỗ. Xây dựng ký túc xá ở khu mới 1.400 chỗ, đưa số chỗ ở của sinh viên lên 3.000, đạt 30% trên tổng số sinh viên. Dự kiến trong những năm tiếp theo số lượng sinh viên đạt 10.000. Khi đó, diện tích phòng học trên sinh viên sẽ là: $([10.164 \text{ m}^2 + 22.000 \text{ m}^2 + 2.520 \text{ chỗ (giảng đường)}]) / 10.000 \text{ sinh viên} = 4,3 \text{ m}^2 / 1 \text{ sinh viên}$. Đạt định mức chuẩn.

2. Điểm mạnh

Các dãy lớp học được phân khu vực phục vụ cho giảng dạy và học tập theo từng chuyên ngành đang đào tạo.

Các hội trường và giảng đường có đầy đủ thiết bị phục vụ cho học tập và các hoạt động ngoại khóa, seminar.v.v.

3. Tồn tại

Hiện tại, hệ thống phòng học dành cho hoạt động của giảng viên tham gia chương trình đào tạo giáo viên Toán THPT và sinh viên vừa ít vừa xuống cấp.

4. Kế hoạch hành động

Theo qui hoạch phát triển tổng thể của trường ĐHAG, từ năm 2009 trường sẽ chuyển các khoa ngoài Sư phạm vào hoạt động ở khu mới. Do đó từ nay đến năm 2010, đề nghị nhà trường có phương án cụ thể hoàn chỉnh sửa chữa phòng học, xây dựng phòng chức năng, phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm Toán.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4: Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất đáp ứng nhu cầu tập luyện và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao để nâng cao sức khỏe và phát triển thể chất cho người học.

1. Mô tả

Trường ĐHAG được xây dựng trên nền tảng cơ sở vật chất (CSVC) của trường Cao đẳng Sư phạm, trong những năm qua trường đã từng bước nâng cấp CSVC cũ và xây dựng thêm CSVC mới (dãy E, F, L, G, nhà khách Quốc tế, các khu KTX) đảm bảo điều kiện cho việc dạy và học, sinh hoạt và rèn luyện thể dục thể thao.

Trường có khu học tập, sân chơi và ký túc xá dành cho sinh viên nội trú riêng biệt.

Hiện nay trường có 126 phòng học, 01 hội trường lớn và 04 giảng đường với tổng diện tích là $(9012 \text{ m}^2 + 1152 \text{ m}^2 = 10.164 \text{ m}^2)$ [H05.04.01]. Về chỗ ở có 210 phòng (1.520 chỗ ở) với diện tích sàn xây dựng là 8.451 m^2 [H05.04.02], đáp ứng được 90% nhu cầu sinh viên đăng ký ở nội trú. Trong khuôn viên của trường có 02 sân bóng chuyên, 06 sân cầu lông với tổng diện tích là 1.345 m^2 , 02 phòng bóng bàn.

Với số lượng sinh viên 7.420 (trong đó có 1.520 sinh viên ở KTX) và tổng diện tích các phòng học là 9.012 m^2 ta có bảng chi tiết về diện tích trên mỗi sinh viên như sau: Phòng học

1,40 m²/SV; Ký túc xá 5,6m²/SV; Sân chơi 0,18m²/SV. Căn cứ vào định mức chuẩn: Phòng học 1,5 m²/SV; Ký túc xá 3 m²/SV; Sân chơi 6 m²/SV ta thấy rằng chỉ có diện tích của ký túc xá là đạt định mức chuẩn, diện tích của lớp học và sân chơi vẫn còn thấp so với định mức.

Năm 2009 trường hoàn thành dự án xây dựng dãy lớp học gồm 94 phòng học, 6 giảng đường 120 chỗ, 04 giảng đường 150 chỗ, 02 giảng đường 300 chỗ, 01 giảng đường 600 chỗ. Xây dựng ký túc xá ở khu mới 1.400 chỗ, đưa số chỗ ở của sinh viên lên 3.000, đạt 30% trên tổng số sinh viên [H05.04.03].

Trường tiếp tục thực hiện các dự án xây dựng sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, sân chơi đang mời gọi đầu tư từ nguồn xã hội hóa trên tổng diện tích 42.000 m² đảm bảo chỉ tiêu qui định 6 m²/sinh viên [H05.04.04].

. Việc phục vụ cho giáo dục thể chất cũng như tổ chức các hoạt động thể dục thể thao để nâng cao sức khoẻ và phát triển thể chất cho sinh viên sư phạm Toán hoàn toàn dựa vào điều kiện cơ sở vật chất hiện có của trường.

2. Điểm mạnh

Có khu ký túc xá rộng rãi đủ tiêu chuẩn.

Có sân chơi cho sinh viên trong khu nội trú.

3. Tồn tại

Chưa có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, sân chơi phù hợp cho sinh viên học tập và sinh hoạt thể dục thể thao.

Các phòng học, hội trường, giảng đường còn mang tính chắp vá, chưa liên hoàn, chưa đạt chuẩn sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm tiếp theo số lượng sinh viên có thể đạt 10.000. Khi đó, diện tích phòng học trên sinh viên sẽ là: $([10.164 \text{ m}^2 + 22.000 \text{ m}^2 + 2.520 \text{ chỗ (giảng đường)}] / 10.000 \text{ sinh viên}) = 4,3\text{m}^2 / 1 \text{ sinh viên}$. Đề nghị nhà trường tiếp tục mở rộng hệ thống phòng học đảm bảo định mức dự kiến.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5: Định kỳ đánh giá và có các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất, phòng chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành.

1. Mô tả

– Không có cơ sở vật chất riêng phục vụ cho việc đào tạo giáo viên Trung học phổ thông. Cơ sở vật chất hiện sử dụng là chung với cả khoa Sư phạm. Trong các buổi họp tháng, họp định kỳ, giảng viên tham gia thực hiện chương trình có phản ánh về sự thiếu hụt cơ sở vật chất và đề nghị nhà trường có biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, phòng học, phòng tập giảng; chủ yếu là nhằm để giải quyết những bức xúc trước mắt của việc thực hiện chương trình.

– Ngoài các phòng học được bố trí đủ cho các lớp học theo chương trình, sinh viên ngành sư phạm Toán chưa được bố trí các phòng chức năng riêng, vì vậy mỗi khi phải dạy bù hoặc sinh viên muốn tập giảng phải tự tìm phòng hoặc chuyển vào buổi tối (từ 19h đến 21h).

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất, phòng chức năng, phòng học được đánh giá hàng năm. Các tài sản thiết bị được kiểm kê hàng năm và được bảo trì tốt.

Cơ sở vật chất, phòng chức năng, phòng học được khai thác có hiệu quả đáp ứng được

nhu cầu đào tạo giáo GV Toán PTTH

3. Tồn tại

Các phòng học chưa trang bị được hệ thống âm thanh không dây để tiện cho việc trao đổi của giảng viên với sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Trang bị hệ thống âm thanh không dây và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy cho các phòng học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6: Đảm bảo môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

1. Mô tả

Cơ sở đào tạo của bộ môn nằm trong khuôn viên của trường, không gian rộng rãi, thoáng mát, có nhiều cây xanh; giảng viên và sinh viên tích cực tham gia Ngày chủ nhật xanh, xây dựng Trường học văn hóa,... góp phần xây dựng môi trường sư phạm xanh, sạch đẹp.

Nhà trường đã đầu tư cho công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, đã làm hệ thống đường tráng nhựa trước các dãy lớp học, hệ thống thoát nước, trồng cây xanh và phong trào giữ gìn cảnh quan được phát động mạnh mẽ, cắt cỏ trong khuôn viên nhà trường [H05.06.01]

Phòng Công tác sinh viên luôn theo dõi và củng cố kịp thời những sự việc trong SV, không để xảy ra bạo lực trong học đường, kết hợp với công an trong việc ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Phòng Công tác sinh viên đã tuyên truyền và phổ biến cho sinh viên các chương trình như: Ngày chủ nhật xanh, làm vệ sinh môi trường các dãy phòng học, phòng chống ma túy...[H05.06.02]. ...

Hiện tại Trường đã có một tổ bảo vệ chuyên trách gồm 11 người, một đội dân quân tự vệ gồm 25 người, một đội phòng cháy, chữa cháy gồm 30 người...[H05.06.03]. Các tổ, đội này đều có trình độ chuyên môn và được tập huấn hằng năm nhằm nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ...[H05.06.04]. Các tổ, đội đều có kế hoạch hoạt động, lịch trực, riêng tổ bảo vệ hoạt động 24/24 giờ...[H05.06.05]. Trường trang bị các lực lượng này đủ các phương tiện hoạt động như: súng hơi cay, roi điện, máy chữa cháy, bình chữa cháy, thang leo.....[H05.06.06].

Công tác bảo vệ trong trường luôn được quan tâm và tổ chức chặt chẽ cả ngày lẫn đêm nên trường Đại học An Giang nói chung, cơ sở đào tạo của ngành sư phạm Toán nói riêng đảm bảo được môi trường an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội... [H05.06.01]. [H05.06.02].

2. Điểm mạnh

Môi trường an toàn, không bạo lực, không có tệ nạn.

3. Tồn tại

Lực lượng bảo vệ còn mỏng so với phạm vi toàn trường. Lực lượng tự quản không chuyên nghiệp nên ít nhiều ảnh hưởng đến công tác bảo vệ tài sản.

Ý thức giữ gìn và bảo đảm môi trường sạch, đẹp trong bộ phận nhỏ sinh viên Toán chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ giữa năm 2009, khi khu mới đưa vào hoạt động; đề nghị Trường tăng cường công tác bảo vệ theo hướng thuê vệ sĩ chuyên nghiệp.

Phối hợp với các đơn vị liên quan, giáo dục sinh viên ý thức xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh.

Năm 2010 – 2012, đề nghị nhà trường xây dựng hệ thống xử lý chất thải các phòng thí nghiệm nhằm đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

– Tóm lại, học liệu thiết bị dạy học và những cơ sở vật chất khác hỗ trợ chương trình đào tạo giáo viên Toán là tương đối thuận lợi, khá tương xứng với việc đào tạo giáo viên trung học của trường Đại học .

– Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6

– Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 6: Công tác tài chính phục vụ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông

Mở đầu

Khoa và bộ môn không có quyền hạn về mặt tài chính. Lĩnh vực này do trường nắm giữ hoàn toàn. Mọi hoạt động đều phải xin kinh phí của trường. Các nguồn tài chính của bộ môn đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường. Trường Đại học An Giang có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với các quy định của Nhà nước, thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Công tác lập kế hoạch tài chính hàng năm đã xây dựng từ các đơn vị trực thuộc.

Công tác phân bổ kinh phí được thực hiện dựa trên kế hoạch tài chính năm và kế hoạch công tác của các đơn vị, được công khai bằng văn bản gửi các đơn vị từ đầu năm học.

Tiêu chí 6.1: Có kế hoạch tài chính và quản lý tài chính đảm bảo cho hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

1. Mô tả

Hàng năm các đơn vị đều có lập dự trù kinh phí dành cho hoạt động chuyên môn trong năm [H06.01.01]. Việc lập dự trù kinh phí như vậy tạo sự chủ động cho các đơn vị trong việc lập kế hoạch và triển khai kế hoạch cũng như tạo cơ sở để trường hoạch toán tài chính. Tuy nhiên nguồn tài chính được cấp khá eo hẹp.

Công tác lập kế hoạch tài chính đã được xây dựng và đưa vào áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ tạm thời từ tháng 7/2004 và đến tháng 01/2007 đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H06.01.02]. Trong quá trình điều hành Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật thường xuyên [H06.01.03].

Kế hoạch tài chính hàng năm được tính toán, cân đối chặt chẽ các nhiệm vụ chi trong năm một cách chính xác trong phạm vi dự toán chi ngân sách được giao. Việc đảm bảo chi đủ các khoản chế độ quy định: Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm y tế, BHXH, kinh phí công đoàn) cho CBVC, chi trả học bổng và trợ cấp cho sinh viên và thực hiện các chế độ chính sách nhà nước quy định do nhà trường thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

Công tác quản lý tài chính được chuẩn hóa minh bạch, theo đúng quy định. Công tác hoạch toán đã được tin học hóa từ năm 2005. Tuy nhiên hệ thống thông tin đang mới bước

đầu triển khai chưa hoàn thiện nên chưa có sự liên thông giữa quản lý tài chính với các công tác quản lý khác. Nguồn tài chính được quản lý tập trung, đúng luật, phát huy tính tự chủ trong thu chi ngân sách theo quy chế chi tiêu nội bộ và thường xuyên được cập nhật. Mọi khoản thu, chi đều được phản ánh vào báo cáo tài chính năm của Trường và chấp hành theo cơ chế kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước và thẩm định quyết toán của sở Tài chính [H06.01.04].

2. Điểm mạnh

Công tác lập kế hoạch rõ ràng, phù hợp với yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của chương trình đào tạo

Quản lý tài chính đúng luật. Đã có quy chế chi tiêu nội bộ và thường xuyên được cập nhật.

Từng bước áp dụng tin học trong quản lý tài chính.

3. Tồn tại

Các đơn vị thiếu quyền tự chủ, nên gặp nhiều lúng túng trong việc sử dụng kinh phí.

Chưa có sự liên thông quản lý tài chính với công tác quản lý khác.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng kế hoạch tài chính của các đơn vị phù hợp với kinh phí và kế hoạch tài chính của trường.

Hoàn thiện hệ thống dữ liệu trong toàn trường để tiện sử dụng và quản lý học phí hiệu quả hơn theo xu hướng thực hiện học chế tín chỉ.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2: Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo về tài chính theo qui định.

1. Mô tả

Các số liệu thu chi cho các hoạt động của các đơn vị đều thực hiện theo đúng dự trù đầu năm và có sự kiểm tra giám sát, đánh giá tình hình thực hiện thu chi tài chính theo tiến độ bản dự trù của trường bộ môn. Tất cả đều được tổng hợp và báo cáo về khoa - Trường và được sự thẩm tra của Trường, sau đó được tổng hợp trong công khai quyết toán thu chi của Trường.

Các khoản chi đều có sự kiểm soát của Kho bạc nhà nước và thẩm định của sở Tài chính. Chứng từ kế toán rõ ràng, chính xác, cập nhật kịp thời vào sổ sách [H06.02.01] Công tác kiểm kê quỹ hàng tháng, đối chiếu số liệu thu chi trong tuần/tháng của tất cả các loại quỹ được thực hiện tốt. Trường hướng dẫn chế độ kế toán, phổ biến các văn bản của Nhà nước về quản lý tài chính, tổ chức thực hiện kiểm tra tài chính, kiểm tra tính chính xác của các báo cáo [H06.02.02]

Trường đã làm việc với Kiểm toán Nhà nước về công tác quản lý tài chính, cụ thể:

- Năm 2005 - Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính năm 2004.

- Năm 2007 - Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006.

Kết luận của các đoàn trên đều đánh giá tốt về công tác quản lý tài chính của nhà trường [H06.02.03].

Mỗi năm công tác tài chính được kiểm tra chặt chẽ, thường xuyên bởi Ban Thanh tra nhân dân của Trường. và được báo cáo công khai trong hội nghị công nhân viên chức [H06.02.01]

2. Điểm mạnh

Công tác tài chính được giám sát từ nhiều hướng.

3. Tồn tại

Chưa có

4. Kế hoạch hành động

– Cố gắng tiếp tục góp ý với trường để cải tiến hơn nữa công tác tài chính, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động của khoa và bộ môn.

– Tham gia cùng các đơn vị liên quan để thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo về tài chính theo qui định.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3: Có các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ hoạt động đào tạo.

1. Mô tả

Hiện nay, nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của chương trình đều dựa trên nguồn tài chính của Trường. Nguồn thu chủ yếu là từ ngân sách Nhà nước và học phí của sinh viên. Kinh phí từ các nguồn thu được nhập vào tài khoản theo đúng quy định.

Nguồn ngân sách Nhà nước được cấp ổn định hàng năm thông qua QĐ giao dự toán. Hàng năm Trường ĐHAG đều có thông báo công khai dự toán và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc [H06.03.01]

Các quy định thu học phí, lệ phí luôn rõ ràng, đúng khuôn khổ quy định, không thu sai hay vượt quy định [H06.03.02], [H06.03.03], [H06.03.04] [H06.03.05]. Tình hình thu học phí hệ chính quy các năm học đều được thông báo rộng rãi (dán thông báo ngay từ đầu năm và gửi văn bản đến các khoa) [H06.03.06]. Nội dung thông báo cũng thể hiện việc tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên và gia đình có thể đóng học phí tại tất cả chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong cả nước hoặc tại Ngân hàng Đông Á hay quầy giao dịch Ngân hàng Đông Á (bố trí ngay tại trường).

Cũng theo tinh thần tự chủ tài chính, nhà trường đã tăng cường thúc đẩy các hoạt động cho phép mở rộng nguồn thu của trường: Ký túc xá, bãi xe ...

Cơ cấu nguồn thu chủ yếu từ ngân sách và thu học phí chính quy, chưa thật sự đa dạng về nguồn thu. Chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có nhất là trong các lĩnh vực NCKH, liên kết đào tạo với các tổ chức trong và ngoài nước để tăng nguồn thu, nâng cao năng lực NCKH đáp ứng nhu cầu xã hội.

Các nguồn thu hợp pháp của Trường ngày càng tăng đáp ứng các hoạt động của Trường nói chung, bộ môn nói riêng và phục vụ tái đầu tư phát triển, cụ thể: năm 2004 là 25,5 tỷ; năm 2005 là 34,3 tỷ; năm 2006 là 54,3 tỷ ... Tính hiệu quả trong khai thác các nguồn tài chính thể hiện qua việc điều chỉnh tiền phụ cấp tăng thêm từ 50.000đ/người/tháng lên mức 200.000đ và hiện nay đến ở mức 600.000đ. [H06.03.07]

2. Điểm mạnh

Các nguồn tài chính hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích

3. Tồn tại

Nguồn tài chính hỗ trợ hoạt động đào tạo giáo viên trung học môn Toán còn hạn hẹp. Vì vậy, việc thực hiện kế hoạch hoạt động đào tạo đôi khi còn bị động.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2009 - 2010, nhà trường thực hiện mở rộng quan hệ hợp tác với các viện, trường và các tổ chức trong và ngoài nước để mở rộng quy mô, loại hình đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước trong thời kỳ mới, từ đó thu hút nhiều nguồn thu hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4: Thực hiện công khai tài chính và có cơ chế để cán bộ, giảng viên tham gia kiểm tra, giám sát tài chính.

1. Mô tả

Công tác quản lý tài chính được chuẩn hóa minh bạch, theo đúng quy định. Công tác hạch toán đã được tin học hóa từ năm 2005. Ngoài ra trường còn liên kết với ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn, Ngân hàng Đông Á thu hộ học phí của sinh viên; cấp phát lương qua tài khoản thẻ ATM – ngân hàng ngoại thương,...

Tình hình thu học phí hệ chính qui các năm học đều được thông báo rộng rãi (dán thông báo ngay từ đầu năm và gửi văn bản đến các khoa) [H06.04.01]. Hệ không chính qui (vừa học vừa làm) tuy mới hình thành và phát triển cũng được thông báo cụ thể [H06.04.02].

Nguồn tài chính được quản lý tập trung. Mọi khoản thu, chi đều được phản ánh vào báo cáo tài chính năm của trường và chấp hành theo cơ chế kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước và thẩm định quyết toán của sở Tài chính [H06.04.03].

Trường Đại học An Giang có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với các quy định của nhà nước, thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả thể hiện trong bản công khai quyết toán thu chi hàng năm [H06.04.04].

Kế hoạch tài chính hàng năm của các đơn vị còn được thông báo công khai trong hội nghị cán bộ công chức toàn trường. Trong hội nghị sẽ công khai tổng kết tài chính của năm trước và công khai kế hoạch tài chính cho năm tới. Khi đó, các giảng viên có quyền kiểm tra, thắc mắc về công tác thu chi tài chính của trường và có hướng đề nghị cho năm tới.

Công tác quản lý tài chính hàng năm được kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên bởi Ban Thanh tra nhân dân của Trường.

Các đơn vị cử đại diện tham gia Ban thanh tra nhân dân để kiểm tra giám sát tài chính của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Những khoản chi tiêu cho chương trình đào tạo giáo viên Toán THPT là minh bạch. Mọi cán bộ, giảng viên đều được tham gia góp ý cho qui chế thu chi nội bộ của trường.

3. Tồn tại

Mặc dù việc phân bổ kinh phí hàng năm đều được tính toán cụ thể cho từng nhiệm vụ cụ thể căn cứ vào trọng tâm chiến lược ưu tiên hàng năm, nhưng do trường mới được thành lập nên chưa đáp ứng đầy đủ theo nhu cầu của các đơn vị trực thuộc.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường vai trò cũng như hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý theo hướng tăng cường tính tự chủ và chịu trách nhiệm cho các đơn vị trong trường; tiến hành khảo sát nhu cầu chi quản lý hành chính, để làm cơ sở khoán kinh phí cho từng đơn vị, tiết kiệm tối đa chi phí quản lý hành chính.

Nghiên cứu việc phân bổ kinh phí cho các đơn vị trực thuộc trên cơ sở nhận dự toán của ngân sách.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 6:

Chương trình đào tạo giáo viên Toán THPT có kế hoạch tài chính cụ thể, nguồn tài chính hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong CTĐT tuy nguồn thu chưa thực sự đa dạng; có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với các quy định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4

Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 7: Công tác đánh giá sinh viên tốt nghiệp và hoạt động tư vấn việc làm thuộc chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

Mở đầu

Công tác sinh viên là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường, nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc đánh giá phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực của sinh viên tốt nghiệp có vai trò rất quan trọng. Nhờ đó, Bộ môn có thể giám sát được mục tiêu đào tạo, kết quả và hình thức dạy học; điều chỉnh việc dạy học cho phù hợp với đối tượng sinh viên.

Hoạt động tư vấn là một việc làm rất cần thiết, qua đó có thể nắm bắt được nhu cầu về việc làm của sinh viên và điều chỉnh chương trình dạy học, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tiêu chí 7.1: Thực hiện đánh giá phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực của sinh viên tốt nghiệp; đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan trong đánh giá.

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập của người học là một khâu rất quan trọng của quá trình đào tạo. Thấy được tầm quan trọng đó, nhà trường đã quán triệt thực hiện đầy đủ nội dung được nêu ra ở chương II, chương III của quy chế 04/1999/QĐ-BGD&ĐT [H07.01.01] và quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT (đối với hệ chính quy) [H07.01.02]

Quá trình đào tạo không chỉ dừng lại ở việc hoàn tất khóa học mà giai đoạn sau đào tạo cũng khá quan trọng. Đánh giá người học sau khi ra trường là cơ sở quan trọng cho những điều chỉnh hoạt động của bất kỳ một trường, cơ sở đào tạo nào.

Bước đầu, sinh viên Toán Đại học An Giang đã khẳng định được năng lực chuyên môn và khả năng làm việc của mình. Theo quan sát bước đầu, sinh viên Toán ĐHAG tốt nghiệp ra trường đã giữ các vị trí quan trọng trong một số đơn vị giáo dục.

Theo kết quả thăm dò ý kiến từ 31 nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp tại trường Đại học An Giang có đạo đức tốt (96%), kiến thức tốt (51%), sức khỏe đảm bảo (79%) và có tinh thần cầu tiến (66%) [H07.01.03]. Tuy kết quả này chưa đủ ý nghĩa về mặt thống kê, nhưng có ý nghĩa tham khảo cho thấy những kiến thức và kỹ năng mà người học tích lũy ở ĐHAG bước đầu đã được xã hội công nhận.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá sinh viên đảm bảo tính công bằng, khách quan.

3. Tồn tại

Nhà trường và bộ môn chưa điều tra, khảo sát :

- Đánh giá của sinh viên Toán tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường.
- Sinh viên Toán có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp.
- Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Đánh giá phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực của sinh viên tốt nghiệp phải được tiến hành và cập nhật thường xuyên. Hằng năm phải điều tra, khảo sát số sinh viên tốt nghiệp và lấy ý kiến của các đơn vị giáo dục có sinh viên Toán tốt nghiệp đang công tác.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2: Thực hiện theo dõi và đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về sinh viên của bộ môn.

1. Mô tả

Theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp là việc làm hết sức cần thiết. Nó giúp bộ môn có cơ sở để đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo, làm căn cứ để phát triển chương trình phù hợp với nhu cầu của xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên cũng là một việc cần làm đối với bộ môn. Cơ sở dữ liệu này giúp duy trì được mối liên hệ thường xuyên giữa bộ môn và cựu sinh viên. Qua đó bộ môn có thể vừa nhận được thông tin phản hồi về sản phẩm đào tạo, vừa có thể tranh thủ được nguồn lực vật chất và tinh thần phục vụ cho hoạt động đào tạo của mình.

Thời gian qua, thông qua kênh từ người học tới nhận bằng tốt nghiệp, Phòng đào tạo đã thu thập tình hình việc làm của người học sau khi ra trường [H07.02.01]. Trung tâm nghiên cứu Khoa học xã hội và nhân văn (trong một đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh) đã có tìm hiểu tình hình việc làm đối với người học sau khi ra trường [H07.02.02].

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch tuyển sinh theo chỉ tiêu đã được Bộ giáo dục và đào tạo phê duyệt, số lượng sinh viên đăng ký vào trường tăng dần theo thời gian [H07.02.03].

Thống kê sinh viên qua các kỳ tuyển sinh từ năm 2004 đến 2008 của bộ môn Toán như sau:

Năm 2004: chỉ tiêu tuyển sinh là 100 sinh viên, số sinh viên nhập học là 98.

Năm 2005: chỉ tiêu tuyển sinh là 100 sinh viên, số sinh viên nhập học là 102.

Năm 2006: chỉ tiêu tuyển sinh là 100 sinh viên, số sinh viên nhập học là 105.

Năm 2007: chỉ tiêu tuyển sinh là 100 sinh viên, số sinh viên nhập học là 81.

Năm 2008: chỉ tiêu tuyển sinh là 120 sinh viên, số sinh viên nhập học là 56.

Sinh viên mới nhập học, theo đúng kế hoạch tuyển sinh và quy định của nhà trường, được hướng dẫn nộp đủ các hồ sơ theo quy định và hồ sơ này được lưu giữ tại phòng Đào tạo [H07.02.04].

Sinh viên sau khi nhập học được quản lý bằng danh sách theo khoa, lớp. Quá trình học tập của sinh viên được quản lý bằng hệ thống điểm học phần, cuối khoá học những sinh viên có đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Bộ và Trường ĐHAG, tất cả hồ sơ dữ liệu được lưu tại phòng Đào tạo [H07.02.05].

Thống kê sinh viên tốt nghiệp từ năm 2004 đến 2008 như sau:

Năm 2004: 70 sinh viên.

Năm 2005: 81 sinh viên.

Năm 2006: 104 sinh viên.

Năm 2007: 81 sinh viên.

Năm 2008: 102 sinh viên.

Trong thời gian học tập cho sinh viên nghỉ học được chia làm ba loại: sinh viên tự ý bỏ học, sinh viên có đơn xin thôi học, sinh viên không đủ điều kiện học tiếp đều được quản lý chặt chẽ [H07.02.06].

Trường ĐHAG và bộ môn Toán có nhiều mối quan hệ với các cơ quan tuyển dụng trong khu vực (các trường phổ thông).

Bộ môn phối hợp với khoa và trường lập dữ liệu về cựu sinh viên và theo dõi tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Như vậy đối với trường ĐHAG các cơ sở dữ liệu về người học, từ hồ sơ nhập học, theo dõi quá trình học tập, điểm số học tập và công nhận tốt nghiệp, tức là từ khi nhập học đến lúc ra trường đều được lưu giữ cẩn thận.

2. Điểm mạnh

Điểm đầu vào của sinh viên Toán là khá cao (hầu như các thủ khoa kỳ thi tuyển sinh của trường là thí sinh thi vào môn Toán. [H07.02.07].

Sinh viên Toán rất năng động và sáng tạo, nhiều sinh viên đạt tốt nghiệp loại giỏi [H07.02.05].

3. Tồn tại

Việc theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp thiếu tính hệ thống, bộ môn chưa có cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên.

Hiện nay nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể trong việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường cũng như chưa có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Việc lấy ý kiến phản hồi này chưa phải là kế hoạch chung của nhà trường và chưa được tổ chức thường xuyên.

Việc nắm bắt tình hình sinh viên có việc làm sau khi ra trường chỉ mới được triển khai dưới dạng các đề tài khảo sát thực tế, chưa có kế hoạch cụ thể

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2009 – 2010, thành lập Hội cựu sinh viên Toán của Bộ môn.

Ngay trong năm 2009, lập kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo. Bộ môn khai thác địa chỉ email cá nhân của cựu sinh viên để nhận các thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo và các đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo, nội dung và phương pháp đào tạo.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3: Triển khai các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo xác định rõ là đào tạo giáo viên Toán trung học phổ thông. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên rất cụ thể. Hoạt động tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên là một trong những nội dung quan trọng của bộ môn. Nếu được trang bị đầy đủ các hiểu biết về nghề thì sinh viên sẽ có định hướng học tập rõ hơn và đạt kết quả cao hơn.

Bên cạnh hoạt động đào tạo, công tác hướng nghiệp đã trở thành một hoạt động thường xuyên của nhà trường nhằm xây dựng cầu nối giữa nhà trường với các đơn vị giáo dục

Để thực hiện tốt công tác này, ngày 29/06/2001, Trường Đại học An Giang đã thành lập Bộ phận Tư vấn Nghề nghiệp và Việc làm học sinh, sinh viên (do 02 cán bộ của Phòng Công tác Sinh viên đảm nhiệm). tổ chức hội thảo chuyên đề về “Sinh viên với đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, nhu cầu doanh nghiệp” nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đào tạo gắn với nhu cầu của xã hội, nhu cầu doanh nghiệp [H07.03.01].

Ngoài ra, nhà trường còn thành lập CLB gia sư nhằm tổ chức dịch vụ dạy kèm cho sinh viên, đồng thời cũng chấn chỉnh hoạt động dạy kèm tràn lan. Câu lạc bộ toán đã góp phần rất lớn trong công tác rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho người học, giúp người học tự tin vào bản lĩnh của mình khi tốt nghiệp ra trường. [H07.03.02]

2. Điểm mạnh

Các giảng viên gần gũi với sinh viên, tạo cho sinh viên một môi trường học tập và sinh hoạt lành mạnh, dễ có sự đồng cảm và chia sẻ. Không khí đó đã trở thành một nền nếp của bộ môn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tư vấn.

Người học được nhà trường tạo điều kiện tối ưu trong các hoạt động rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường tổ chức cho sinh viên kiến tập, thực tập sư phạm, tham gia những hoạt động ngoại khóa ở trường phổ thông nhằm giúp người học củng cố kiến thức, nâng cao khả năng thực hành, tự tin hơn trong công việc.

Các năm qua, sinh viên sư phạm được các Sở Giáo dục và Đào tạo tuyển dụng và phân công công tác

3. Tồn tại

Còn một số ít sinh viên Toán khóa V phải tự liên hệ xin việc làm ở tỉnh khác hoặc đi học cao học tự túc.

Sinh viên Toán khóa 6 chưa được phân công nhiệm sở chiếm khoảng 20% tổng số sinh viên tốt nghiệp năm 2009.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2009, thành lập nhóm cố vấn học tập của bộ môn. Mỗi giảng viên của bộ môn cần trang bị kinh nghiệm thực tiễn sư phạm cho sinh viên.

Hàng năm, tổ chức tham quan trường phổ thông ở các tỉnh khác.

Trong năm 2010, nhà trường bổ sung nhân sự, có chương trình, chính sách, đầu tư kinh phí cho hoạt động tư vấn nghề nghiệp.

Bổ sung ngay vào chính sách chất lượng của trường: vừa nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, vừa nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là một nhiệm vụ quan trọng song song với nhiệm vụ đào tạo, NCKH của trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đã thực hiện tốt việc đánh giá phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực của sinh viên tốt nghiệp; đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan trong đánh giá. Có xây dựng cơ sở dữ liệu về sinh viên. Các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên tốt nghiệp và việc theo dõi đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp đã được thực hiện.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

II.4. Kết quả đạt được và kiến nghị:

II.4.1. Các biện pháp được đề xuất, các hoạt động cần thực hiện, tổ chức giám sát, đánh giá và thời hạn phải hoàn thành các hoạt động đó.

– Trường Đại học An Giang cần tạo điều kiện hơn nữa cho giảng viên có thời gian nghiên cứu sâu về chuyên môn, học thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài.

– Bố trí thêm các phòng học dự trữ để sinh viên có chỗ tập giảng theo nhóm, góp phần nâng cao chất lượng học tập học phần phương pháp giảng dạy.

– Phát triển các quan hệ quốc tế, tạo điều kiện cho các giảng viên có kinh nghiệm đi nước ngoài nghiên cứu và giao lưu học thuật.

– Có chế độ tài chính mềm dẻo hơn, tăng chế độ ra đề thi, chấm thi học phần và tốt nghiệp.

– Đề nghị trường tổ chức một số hội thảo chuyên đề nghiệp vụ sư phạm nhằm tập hợp ý kiến của giáo viên, hiệu trưởng các trường trung học phổ thông về hoạt động kiến - thực tập của sinh viên Toán.

– Đề xuất với trường có những chính sách thích hợp để tạo môi trường học thuật thuận lợi cho các giảng viên nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và vận dụng những phương pháp dạy học hiện đại của các nước tiên tiến nhằm nâng cao năng lực sư phạm của các giảng viên.

Vì nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới giáo dục rất cấp bách, hy vọng những đề nghị trên đây được đáp ứng trong thời gian gần nhất.

II.4.2. Nhận định về tình hình và kết quả thực hiện các kiến nghị trong đợt tự đánh giá lần trước (nếu có), đồng thời đánh giá hiệu quả của các hoạt động tự đánh giá.

Đây mới chỉ là đợt tự đánh giá đầu tiên.

II.4.3. Thời gian tiến hành đợt tự đánh giá tiếp theo: năm 2012

II.4.4. Kiến nghị cấp độ kiểm định có thể đạt được và đề nghị Bộ giáo dục và Đào tạo thẩm định.

Chương trình đào tạo của bộ môn cần có thêm thời gian để hoàn thiện. Trước mắt bộ môn chưa có kế hoạch kiến nghị kiểm định và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

Phụ lục 1

CÁC NHÓM TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA BỘ MÔN TOÁN

Nhóm 1:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đình Quốc Huy	Giảng viên chính. P. trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
2	Vương Vĩnh Phát	Giảng viên	Thành viên
3	Trần Mạnh Tuấn	Giảng viên	Thành viên

Nhóm 2:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thiết	Giảng viên	Trưởng nhóm
2	Võ Thành Tài	Giảng viên	Thành viên
3	Huỳnh Thọ	Giảng viên	Thành viên

Nhóm 3:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Danh Cờn	Giảng viên	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thọ Sâm	Giảng viên	Thành viên
3	Bùi Đức Thắng	Giảng viên	Thành viên

Thư ký bộ môn:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Thái Duy	Giảng viên chính	Thành viên
2	Phạm Thúc Kim	Giảng viên	Thành viên
3	Phan Thị Trong	Giảng viên	Thành viên

Phụ lục 2

BẢNG MÃ CÁC THÔNG TIN MINH CHỨNG

STT	Mã minh chứng	Mô tả vắn tắt minh chứng
1	H01.01.01	Chương trình khung 14 ngành của Bộ
2	H01.01.02	Các trang web http://www.agu.edu.vn/?q=vi/gioi_thieu.agu , http://peda.agu.edu.vn/?q=gioi_thieu.agu
3	H01.02.01	Tài liệu hội nghị giữa nhiệm kỳ 2005-2010 – Đảng ủy trường ĐHAG
4	H01.02.02	Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết chi bộ nhiệm kỳ 2006-2008 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2008-2010 – Chi ủy chi bộ 5
5	H01.02.03	Quyết định của BGH cử đi tham quan thực tế ở các trường phổ thông – THPT Đặng Huy Trứ
6	H01.02.04	Biên bản các cuộc họp sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; các báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học
7	H01.02.05	Văn bản điều chỉnh chương trình học phần Tin học chuyên ngành
8	H01.02.06	Chương trình của một số ngành bổ sung thêm một số học phần
9	H01.02.07	Văn bản điều chỉnh chương trình học phần Rèn luyện nghiệp vụ
10	H01.03.01	Sổ tay học sinh sinh viên; Sơ đồ tổ chức trường Đại học An giang http://www.agu.edu.vn/?q=vi/sodotochuc ; Quy chế hoạt động của một số đơn vị
11	H01.04.01	Quy chế hoạt động của một số đơn vị
12	H01.04.02	Phân công chuyên môn hàng năm của bộ môn Toán
13	H01.04.03	Kế hoạch thực tập sư phạm, kiến tập sư phạm
14	H01.05.01	Biên bản họp tổng kết năm học – phần dự giờ phổ thông
15	H01.05.02	Phiếu lấy ý kiến sinh viên về môn học
16	H01.05.03	Biên bản các cuộc họp sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; các báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; chương trình tin học chuyên ngành Toán áp dụng từ khóa 4; chương trình Rèn luyện NVSP
17	H02.01.01	Quyết định ban hành Chương trình khung GDĐH
18	H02.01.02	Chương trình chi tiết - Sư phạm Toán hệ chính quy
19	H02.02.01	Chương trình chi tiết - Sư phạm Toán hệ chính quy
20	H02.03.01	CTGD các ngành, đào tạo theo niên chế.
21	H02.03.02	CTGD các ngành, đào tạo theo tín chỉ.
22	H02.04.01	Biên bản hội nghị học tốt - bộ môn Toán
23	H02.05.01	Quy chế 25/BGD&ĐT.
24	H02.06.01	Phân công hướng dẫn thực tập 2008-2009
25	H02.06.02	Hồ sơ hướng dẫn kiến tập-thực tập sư phạm
26	H02.06.03	Báo cáo thống kê kết quả thực tập sư phạm
27	H02.07.01	Giáo trình : Đại số Sơ cấp- ThS. Hoàng Huy Sơn
28	H02.07.02	Giáo trình Xác suất thống kê – Phạm Đức Thông
29	H02.07.03	ĐT: Một số vấn đề về Hàm Tử Hom và Hàm Tử Tenxơ – ThS. Trần

		Mạnh Tuấn
30	H02.07.04	ĐT: Tính α ổn định của hệ phương trình vi phân điều khiển phi tuyến, không ô tô nôm có chậm - ThS Võ Thành Tài
31	H03.01.01	Thời khóa biểu năm học 2008 - 2009
32	H03.01.02	Những điều cần biết về kỳ thi tuyển sinh đại học cao đẳng 2009
33	H03.01.03	Danh sách sinh viên các lớp DH6A1, DH6A2, DH7A1, DH7A2, DH8A1, DH8A2, DH9A1, DH9A2
34	H03.01.04	Bảng kê khai thừa giờ năm học 2007 - 2008
35	H03.01.05	Hợp đồng mời thỉnh giảng
36	H03.01.06	Danh sách sinh viên ngành SP Toán làm khóa luận các khóa
37	H03.02.01	Thời khóa biểu năm học 2008 - 2009
38	H03.02.02	Danh sách biên chế của khoa Sư phạm và các khoa khác năm học 2008 - 2009
39	H03.02.03	Danh sách các đề tài nghiên cứu KH từ năm 2003 - 2008
40	H03.02.04	Danh sách các bài nghiên cứu đã đăng trong TTKH từ 2003 - 2008
41	H03.02.05	Biên bản các buổi báo cáo chuyên đề
42	H03.02.06	Danh sách sinh viên ngành SP Toán làm khóa luận các khóa
43	H03.03.01	Bản ghi nhớ đóng góp cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, quỹ mái ấm công đoàn
44	H03.03.02	Kế hoạch tổ chức báo cáo chuyên đề "Vấn đề hội nhập thế giới của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh"
45	H03.03.03	Kế hoạch "Công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho CB-CNV và HSSV trường Đại học An Giang"
46	H03.03.04	Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ hàng năm của các giảng viên
47	H03.04.01	Sổ đầu bài các lớp Sư phạm Toán năm học 2008 - 2009
48	H03.04.02	Đề cương chi tiết các học phần Toán
49	H03.04.03	Kế hoạch hoạt động hàng năm của trường,
50	H03.04.04	Bảng phân công chuyên môn hàng năm của bộ môn
51	H03.04.05	Bản sao các giáo trình giảng dạy đã nghiệm thu và các đề tài nghiên cứu cấp trường của giảng viên bộ môn Toán
52	H03.04.06	Danh sách các đề tài nghiên cứu KH từ năm 2003 - 2008
53	H03.05.01	Bảng phân công chuyên môn của bộ môn Toán năm học 2008 - 2009
54	H03.05.02	Các quyết định cử giảng viên đi học, dự hội nghị, hội thảo
55	H03.06.01	Bảng lương các tháng của trường ĐHAG
56	H03.06.02	Quy chế chi tiêu nội bộ 2007
57	H03.06.03	Nghị định 33/2009/NĐ-CP về lương tối thiểu chung thực hiện từ
58	H03.07.01	Phiếu tự đánh giá của giảng viên các năm
59	H03.07.02	Phiếu đánh giá giảng viên và học phần của sinh viên
60	H03.07.03	Phiếu đánh giá tiết dự giờ các giảng viên
61	H03.07.04	Quy chế chi tiêu nội bộ 2007

62	H03.07.05	Bảng phân công chuyên môn hàng năm của bộ môn
63	H03.07.06	Báo cáo tổng kết năm học các năm của bộ môn Toán
64	H03.07.07	Kế hoạch tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm của khoa Sư phạm
65	H04.01.01	Quy chế tuyển sinh 2009
66	H04.01.02	Biên bản thảo luận đáp án chấm thi tuyển sinh
67	H04.01.03	Số liệu tuyển sinh ĐH - CĐ
68	H04.02.01	Biên bản Hội nghị học tốt
69	H04.02.02	Kế hoạch hoạt động của Ban tư vấn tuyển sinh
70	H04.02.03	Thống kê tình hình sinh viên vi phạm pháp luật, bạo lực trong HSSV qua các năm
71	H04.02.04	Quy trình giảng dạy các tiết lý thuyết
72	H04.02.05	Sổ tay SV mô tả về chương trình đào tạo, thông tin về qui chế đào tạo và các thông báo hướng dẫn hàng năm
73	H04.03.01	Đề cương chi tiết học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”
74	H04.03.02	Quy chế 25 của Bộ GDĐT
75	H04.03.03	Danh sách SV làm Khóa luận
76	H04.04.01	Sổ tay sinh viên
77	H04.04.02	Kế hoạch tổ chức “Tuần lễ sinh hoạt công dân” các năm
78	H04.04.03	Kế hoạch triển khai cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục” và “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”
79	H04.04.04	Kế hoạch triển khai “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
80	H04.04.05	Chi thị về "Chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục"
81	H04.04.06	Nghị quyết về "Một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông"
82	H04.04.07	Kế hoạch tổ chức báo cáo chuyên đề “Vấn đề hội nhập thế giới của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh”
83	H04.04.08	Kế hoạch tổ chức cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên trong toàn trường
84	H04.04.09	Các loại giấy khen về các thành tích trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao
85	H04.04.10	Các kế hoạch tham gia các hội thao sinh viên, học sinh chuyên nghiệp trong tỉnh và khu vực
86	H04.04.11	Các kế hoạch giao lưu văn hóa, văn nghệ
87	H04.04.12	Các kế hoạch tổ chức đại hội văn thể cấp trường và tham gia các hội thi ca múa nhạc
88	H04.04.13	Quyết định thành lập câu lạc bộ gia sư
89	H04.04.14	Quyết định “V/v chuẩn y công nhận chức danh Bí thư Đoàn Trường Đại học An Giang khóa IV”
90	H04.04.15	Nghị quyết về việc đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới

91	H04.04.17	Kế hoạch mở lớp cảm tình Đảng
92	H04.04.18	Kế hoạch tổ chức hội trại “Tuổi trẻ đoàn kết phòng - chống ma túy”
93	H04.04.19	Kế hoạch tổ chức hội thảo “Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cách mạng cho đoàn viên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay”
94	H04.05.01	Thông tư liên bộ số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/08/1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập
95	H04.05.02	Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng CP Về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với HS, SV là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng CP
96	H04.05.03	Thông tư số 54/1998/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 31/08/1998 về thu, chi và quản lý học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/03/1998 của Thủ tướng Chính phủ
97	H04.05.04	Quyết định số 1954/QĐ-UB ngày 09/09/2000 của UBND tỉnh An Giang “V/v thu và sử dụng học phí ở Trường Đại học An Giang”
98	H04.05.05	Công văn số 2142/CV-UB ngày 30/10/2000, của Chủ tịch UBND Tỉnh An Giang về việc miễn, giảm học phí và bổ sung một số chế độ chính sách cho cán bộ Đoàn Đội trường học
99	H04.05.06	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên
100	H04.05.07	Sổ tay sinh viên mô tả về chương trình đào tạo, thông tin về quy chế đào tạo và các thông báo hướng dẫn hàng năm
101	H04.05.08	Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang “V/v thực hiện chế độ trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy”
102	H04.05.09	Các Quyết định “V/v thực hiện chế độ trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy”
103	H04.05.10	Các Quyết định “V/v thực hiện chế độ miễn, giảm học phí đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy”
104	H04.05.11	Các Quyết định “V/v chuẩn y công nhận danh sách sinh viên được giảm 50% học phí”
105	H04.05.12	Báo cáo sơ kết về tín dụng đào tạo đối với học sinh, sinh viên
106	H04.05.13	Quyết định “V/v công bố quỹ học bổng khuyến khích học tập”
107	H04.05.14	Các Quyết định về việc cấp học bổng tài trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học giỏi
108	H04.05.15	Công tác trọng tâm của KTX/ĐHAG
109	H04.05.16	Kế hoạch tổ chức Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây
110	H04.05.17	Quy chế chi tiêu nội bộ 2007
111	H04.05.18	Báo cáo “V/v khám sức khỏe sinh viên vào trường”
112	H04.06.01	Sổ đầu bài các lớp Sư phạm Toán các năm

113	H04.06.02	Biên bản các buổi báo cáo chuyên đề toán học
114	H04.06.03	Biên bản buổi hội nghị học tốt
115	H04.06.04	Báo cáo tổng kết năm học
116	H04.06.05	Bảng điểm học phần, điểm thi, bảng điểm tổng hợp
117	H04.06.06	Danh sách các lớp học, bảng điểm, quyết định tốt nghiệp
118	H04.06.07	Báo cáo tổng kết năm học của trường đại học An Giang qua các năm
119	H04.06.08	Các loại giấy khen về các thành tích trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao
120	H04.06.09	Danh sách sinh viên tham gia thi Olympic Toán năm 2008 – 2009
121	H04.06.10	Danh sách khen thưởng sinh viên đạt thành tích cao trong kỳ thi Olympic Toán sinh viên toàn quốc
122	H04.06.11	Danh sách SV làm Khóa luận
123	H04.06.12	Danh sách sinh viên nhận học bổng khuyến khích học tập năm 2008 – 2009
124	H04.06.13	Thống kê tình hình sinh viên vi phạm pháp luật, bạo lực trong HSSV qua các năm
125	H04.06.14	Kế hoạch tổ chức chiến dịch Hè tình nguyện
126	H05.01.01	Kế hoạch xây dựng, mua sắm, sửa chữa khoa Sư phạm
127	H05.01.02	Bảng kiểm kê sách của Thư viện.
128	H05.01.03	Danh mục các giáo trình - khóa luận TN - luận văn luận án - đề tài NCKH.
129	H05.01.04	Biên bản giao nhận sách do Quỹ Châu Á tài trợ
130	H05.02.01	Phòng máy GV- SV và Sv sử dụng laptop.
131	H05.02.02	Hợp đồng cung cấp phần mềm quản lý thư viện.
132	H05.02.03	Hoạt động của P. nghe nhìn Thư viện.
133	H05.02.04	Hướng dẫn sử dụng Thư viện .
134	H05.02.05	Hoạt động của mạng thông tin viên
135	H05.02.06	Quầy thông tin của thư viện
136	H05.02.07	Kế hoạch và chứng từ mua sắm năm 2009
137	H05.02.08	Kiểm kê tài sản và chứng từ mua sắm thiết bị tin học
138	H05.02.09	Hợp đồng thuê bao LeaseLine và ADSL
139	H05.02.10	Kế hoạch mua sắm thiết bị tin học năm 2009
140	H05.03.01	Khối Hiệu bộ (khu 39,5 ha)
141	H05.03.02	Phòng làm việc của các bộ môn
142	H05.04.01	Kiểm kê tài sản phòng họp, giảng đường
143	H05.04.02	Kiểm kê tài sản ký túc xá
144	H05.04.03	Bảng thiết kế, thi công xây dựng phòng học- ký túc xá
145	H05.04.04	Bảng thiết kế và hợp đồng dự án
146	H05.06.01	Các hợp đồng lao động thuê mướn vệ sinh trường
147	H05.06.02	Thông báo hưởng ứng các phong trào của phòng CTSV

148	H05.06.03	Quyết định thành lập các đội: dân quân tự vệ, PCCC...
149	H05.06.04	Lịch huấn luyện
150	H05.06.05	Lịch trực của bảo vệ
151	H05.06.06	Kiểm kê tài sản dụng cụ bảo vệ và phòng cháy chữa cháy
152	H06.01.01	Kế hoạch năm của các đơn vị
153	H06.01.02	Quy chế chi tiêu nội bộ
154	H06.01.03	Các văn bản cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ
155	H06.01.04	Thẩm định quyết toán (Thông báo của Sở Tài chính)
156	H06.02.01	Báo cáo tài chính hàng năm của trường
157	H06.02.02	Công khai quyết toán thu chi
158	H06.02.03	Kết luận Kiểm toán Nhà nước (KTNN)
159	H06.03.01	Công khai dự toán & phân bổ cho các đơn vị trực thuộc
160	H06.03.02	Mức thu học phí dạy nghề ở các cơ sở đào tạo của nhà nước
161	H06.03.03	Mức thu phí, dự thi dự tuyển
162	H06.03.04	Xét cấp học bổng khuyến khích học tập 2007.2008
163	H06.03.05	Mức thu và quản lý học phí đại học (chính quy và học phí học lại)
164	H06.03.06	Các văn bản cập nhật về Thu học phí (Đại học chính quy)
165	H06.04.01	Các văn bản cập nhật về thu học phí (Đại học chính qui):
166	H06.04.02	Các văn bản cập nhật về thu học phí (Hệ vừa học vừa làm):
167	H06.04.03	Thẩm định quyết toán (Thông báo của Sở Tài chính)
168	H06.04.04	Kết luận kiểm toán Nhà nước (KTNN)
169	H07.01.01	Chương II, III của quy chế 04/1999/QĐ-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT
170	H07.01.02	Quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT
171	H07.01.03	Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp tại ĐHAG.
172	H07.02.01	Sổ theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp đến nhận bằng của phòng đào tạo
173	H07.02.02	Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên ngành sư phạm
174	H07.02.03	Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm từ 2003 – 2007
175	H07.02.04	Thủ tục, hồ sơ nhập học của sinh viên
176	H07.02.05	Danh sách các lớp học, bảng điểm, QĐ tốt nghiệp
177	H07.02.06	Hồ sơ sinh viên nghỉ học
178	H07.03.01	Kế hoạch “Tổ chức ngày hội việc làm”
179	H07.03.02	Quyết định thành lập CLB Gia sư

Phụ lục 3:**PHIẾU TỔNG KẾT TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ**

Tên trường: Đại học An Giang

Tên bộ môn: Toán

Khối ngành: Sư phạm Toán

Ngày tự đánh giá: tháng 04 năm 2009

Ký hiệu các mức: Đ: đạt; C: chưa đạt; KĐG: không đánh giá

Tiêu chuẩn 1

Các tiêu chí	Đ	C	KĐG
Tiêu chí 1.1	X		
Tiêu chí 1.2	X		
Tiêu chí 1.3	X		
Tiêu chí 1.4	X		
Tiêu chí 1.5	X		

Tiêu chuẩn 2

Các tiêu chí	Đ	C	KĐG
Tiêu chí 2.1	X		
Tiêu chí 2.2	X		
Tiêu chí 2.3	X		
Tiêu chí 2.4	X		
Tiêu chí 2.5	X		
Tiêu chí 2.6	X		
Tiêu chí 2.7	X		
Tiêu chí 2.8	X		

Tiêu chuẩn 3

Các tiêu chí	Đ	C	KĐG
Tiêu chí 3.1	X		
Tiêu chí 3.2	X		
Tiêu chí 3.3	X		
Tiêu chí 3.4	X		
Tiêu chí 3.5	X		
Tiêu chí 3.6	X		
Tiêu chí 3.7	X		
Tiêu chí 3.8	X		

Tiêu chuẩn 4

Các tiêu chí	Đ	C	KĐG
Tiêu chí 4.1	X		
Tiêu chí 4.2	X		
Tiêu chí 4.3	X		
Tiêu chí 4.4	X		
Tiêu chí 4.5	X		
Tiêu chí 4.6	X		

Tiêu chuẩn 5

Các tiêu chí	Đ	C	KĐG
Tiêu chí 5.1	X		
Tiêu chí 5.2	X		
Tiêu chí 5.3	X		
Tiêu chí 5.4	X		
Tiêu chí 5.5	X		
Tiêu chí 5.6	X		

Tiêu chuẩn 6

Các tiêu chí	Đ	C	KĐG
Tiêu chí 6.1	X		
Tiêu chí 6.2	X		
Tiêu chí 6.3	X		
Tiêu chí 6.4	X		

Tiêu chuẩn 7

Các tiêu chí	Đ	C	KĐG
Tiêu chí 7.1	X		
Tiêu chí 7.2	X		
Tiêu chí 7.3	X		

Tổng hợp

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí	40	0	0
Tỷ lệ %	100 %	0 %	0 %

Đã chỉnh sửa tiêu chuẩn 3 ngày 25/08/2009

Đã chỉnh sửa tiêu chuẩn 1, 2, 3 ngày 27/08/2009

Đã chỉnh sửa tiêu chuẩn 4, 5, 6, 7 ngày 28/08/2009

Đã cập nhật các mã minh chứng ngày 28/08/2009